

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 90/2024/PHS-PL

V/v: CBTT Biên bản họp và Nghị quyết Đại
hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN WEBSITE
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

- Kính gửi:
- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM;
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84 28) 5413 5479

Fax: (+84 28) 5413 5472

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Chen Chia Ken

Loại công bố thông tin: 24h 72h Bất thường Định kỳ

2. Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (thông tin chi tiết, vui lòng tham khảo tài liệu đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHS tại: <https://www.phs.vn>, phần Quan Hệ Cổ Đông, mục Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu Ban thư ký



Ông CHEN CHIA KEN

Số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản họp Đại hội Cổ đông số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("Đại hội") diễn ra lúc 14h00 ngày 17 tháng 04 năm 2024 tại Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra hợp pháp, hợp lệ.

Thành phần tham dự:

- Các cổ đông sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("PHS") theo danh sách chốt vào ngày 20 tháng 03 năm 2024.
- Vào lúc 14h00 giờ ngày 17/04/2024, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là 21 cổ đông, đại diện cho 147.352.371 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,2288 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.



QUYẾT NGHỊ

Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng nhất trí thông qua các Nghị quyết của Đại hội như sau:

NGHỊ QUYẾT 1. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 2. THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 3. THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 4. THÔNG QUA BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2023 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 5. THÔNG QUA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2024

Đại hội nhất trí thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 6. THÔNG QUA DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRONG NĂM 2024

Đại hội nhất trí thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 7. THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2024

Đại hội nhất trí thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 8. THÔNG QUA KẾ HOẠCH XỬ LÝ NỢ KHÓ ĐÒI

Đại hội nhất trí thông qua Kế hoạch xử lý nợ khó đòi theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 9. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023 VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LỰA CHỌN THỜI ĐIỂM PHÙ HỢP VÀ TIẾN HÀNH THỦ TỤC CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG

Đại hội nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục trả cổ tức cho cổ đông theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 10. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Đại hội nhất trí thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội nhất trí thông qua Danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu PHS trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cụ thể như sau:

| STT | Tên Nhà đầu tư | Giấy giấy CMND/ Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Đối tượng | | Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) | Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt phát hành (%) |
|------------------|---------------------------------------|--|---|--|--|---|--|
| | | | Nhà đầu tư chiến lược/ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp | Nhà đầu tư nước ngoài/ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước | | | |
| 1 | Phu Hung Far East Holding Corporation | CA5901 | Nhà đầu tư chiến lược | Nhà đầu tư nước ngoài | 69.004.600 | 23.000.000 | 46% |
| 2 | New Beam International INC | CB5917 | Nhà đầu tư chiến lược | Nhà đầu tư nước ngoài | 26.176.745 | 15.500.000 | 20,84% |
| 3 | Dong Bang Development Limited | CB3748 | Nhà đầu tư chiến lược | Nhà đầu tư nước ngoài | 7.290.486 | 1.800.000 | 4,55% |
| 4 | Cat Tinh Development Limited | CD2863 | Nhà đầu tư chiến lược | Nhà đầu tư nước ngoài | 258.177 | 9.700.000 | 4,98% |
| Tổng cộng | | | | | | 50.000.000 | |

NGHỊ QUYẾT 11. THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Đại hội nhất trí thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 12. THÔNG QUA VIỆC MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT BÀ KUO, PING MIN VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Đại hội nhất trí thông qua việc Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Bà Kuo, Ping Min và thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2025 cụ thể như sau:

- Họ và tên: Bà Wang, Gwan - Fang
- Ngày sinh:
- Hộ chiếu
- Ngày cấp
- Nơi cấp:



NGHỊ QUYẾT 13. THÔNG QUA VIỆC ĐIỀU CHỈNH SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Đại hội nhất trí thông qua việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của công ty theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 14. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 04 năm 2024.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn công ty thi hành các điều khoản của Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



CHEN CHIA KEN

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/04/2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
- Địa chỉ : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Mã số doanh nghiệp : 0313642887
- Giấy phép thành lập và hoạt động : 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/01/2016
- Thời gian họp : Bắt đầu lúc 14h00 ngày 17/04/2024
Kết thúc lúc 16h10 ngày 17/04/2024
- Địa điểm họp : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chương trình và nội dung Đại hội : Theo Chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 04 năm 2024 đã được thông báo đến cổ đông
- Chủ tọa Đại hội : Ông Chen Chia Ken
- Ban thư ký Đại hội : Ông Nguyễn Ngọc Thanh
- Ban kiểm phiếu : Bà Phan Thị Kim Anh – Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kiên Châm – Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hà – Thành viên
- Số đại biểu tham dự : Vào lúc 14h00 giờ ngày 17/04/2024, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là 21 cổ đông, đại diện cho 147.352.371 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,2288% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (*Phụ lục đính kèm*).
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2024 ("Đại hội") đủ điều kiện để tiến hành

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Các cổ đông tiến hành đăng ký tham dự đại hội để nhận tài liệu của cuộc họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết.
2. Ban thư ký Đại hội đọc báo cáo việc kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
3. Bà Chiêu Nhã Thy thay mặt Ban tổ chức giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội:
 - ◆ Chủ tọa đoàn:
Ông Chen Chia Ken – theo Giấy ủy quyền số 02/2024/CTHDQT/UQ-PHS ngày 22/3/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - ◆ Ban thư ký Đại hội
Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Trưởng ban thư ký Đại hội – theo yêu cầu của chủ tọa
 - ◆ Ban kiểm phiếu:
Bà Phan Thị Kim Anh – Trưởng Ban kiểm phiếu
Bà Nguyễn Thị Kiên Châm – Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hà – Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu theo đề cử của Chủ tọa với tỷ lệ tán thành: 100%.

Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu bắt đầu tiến hành Đại hội.
4. Chủ tọa công bố chương trình nghị sự của Đại hội.
5. Bà Chiêu Nhã Thy thay mặt Ban tổ chức đọc và hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội.
6. Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2024 biểu quyết thông qua chương trình nghị sự của Đại hội, hướng dẫn biểu quyết và cách thức biểu quyết của Đại hội. Tỷ lệ tán thành: 100%.

II. NỘI DUNG THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

Vào lúc 14 giờ 30 ngày 17/04/2024, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là 28 cổ đông, đại diện cho 147.354.089 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,23% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Nội dung 1. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

Hội Đồng Quản Trị trình Đại hội thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 2. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 3. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 4. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2023

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2023 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 5. Thảo luận và biểu quyết thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty năm 2024

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 6. Thảo luận và biểu quyết thông qua Dự toán ngân sách năm 2024

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Dự toán ngân sách năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 7. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 8. Thảo luận và biểu quyết thông qua Kế hoạch xử lý nợ khó đòi

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Kế hoạch xử lý nợ khó đòi theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 9. Thảo luận và biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục trả cổ tức cho cổ đông

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục trả cổ tức cho cổ đông theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 10. Thảo luận và biểu quyết thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 44.623.581 | 99,999% |
| Phiếu không hợp lệ | 500 | 0,001% |
| Tán thành | 44.623.581 | 99,999% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 11. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 12. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Bà Kuo, Ping-Min và bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua việc Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Bà Kuo, Ping-Min và bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

Nội dung 13. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của Công ty

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của Công ty theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

| Ý kiến | Số phiếu biểu quyết | Đạt tỷ lệ |
|--------------------|---------------------|-----------|
| Phiếu hợp lệ | 147.354.089 | 100% |
| Phiếu không hợp lệ | 0 | 0% |
| Tán thành | 147.354.089 | 100% |
| Không tán thành | 0 | 0% |
| Không có ý kiến | 0 | 0% |

III. KẾT QUẢ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- i. Tổng số phiếu phát ra: 28 phiếu, đại diện cho 147.354.089 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- ii. Tổng số phiếu thu vào: 28 phiếu, đại diện cho 147.354.089 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết trong đó:
 - Số phiếu hợp lệ: 27 phiếu, đại diện cho 147.353.589 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9996% số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Số phiếu không hợp lệ: 1 phiếu, đại diện cho 500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0004% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Kết quả trúng cử thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2024 – 2025.

| STT | Họ và tên | Tỷ lệ biểu quyết | |
|-----|-------------------|----------------------------|-----------|
| | | Số phiếu biểu quyết đồng ý | Đạt tỷ lệ |
| 1 | Wang, Gwan - Fang | 147.353.589 | 99,9996% |

IV. KẾT QUẢ THÔNG QUA DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ MUA CỔ PHIẾU PHS TRONG ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

- i. Tổng số phiếu phát ra: 24 phiếu, đại diện cho 44.624.081 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- ii. Tổng số phiếu thu vào: 24 phiếu, đại diện cho 44.624.081 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết trong đó:
 - Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu, đại diện cho 44.623.581 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,999% số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Số phiếu không hợp lệ: 01 phiếu, đại diện cho 500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Kết quả thông qua Danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu PHS trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

| STT | Tên nhà đầu tư | Tỷ lệ biểu quyết | |
|-----|---------------------------------------|----------------------------|-----------|
| | | Số phiếu biểu quyết đồng ý | Đạt tỷ lệ |
| 1 | Phu Hung Far East Holding Corporation | 44.623.581 | 99,999% |
| 2 | Cat Tinh Development Limited | 44.623.581 | 99,999% |
| 3 | New Beam International INC | 44.623.581 | 99,999% |
| 4 | Dong Bang Development Limited | 44.623.581 | 99,999% |

V. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Vào lúc 16 giờ 10 ngày 17/04/2024, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là 28 cổ đông, đại diện cho 147.354.089 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,23% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Ông Nguyễn Ngọc Thanh đọc Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2024 biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội. Tỷ lệ tán thành: 100%.

Biên bản Đại hội được lập thành hai bản Tiếng Anh và hai bản Tiếng Việt, được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

NGUYỄN NGỌC THANH



CHEN CHIA KEN

Tài liệu đính kèm:

| | |
|----|---|
| 1 | Tờ trình về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 (Đính kèm: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023) |
| 2 | Tờ trình về Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 |
| 3 | Tờ trình về Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 |
| 4 | Tờ trình về Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2023 (Đính kèm: Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2023) |
| 5 | Tờ trình về Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2024 (Đính kèm: Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2024) |
| 6 | Tờ trình về Dự toán ngân sách trong năm 2024 |
| 7 | Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024 |
| 8 | Tờ trình về Kế hoạch xử lý nợ khó đòi |
| 9 | Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông |
| 10 | Tờ trình về Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ (Đính kèm: Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ) |
| 11 | Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Đính kèm: Điều lệ dự thảo, Bảng so sánh giữa Điều lệ hiện hành và Điều lệ sửa đổi) |
| 12 | Tờ trình về việc Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Bà Kuo, Ping và bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát. (Đính kèm: Đơn xin từ chức Thành viên Ban kiểm soát của Bà Kuo, Ping Min và Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên được đề cử thành viên Ban Kiểm soát) |
| 13 | Tờ trình về việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của Công ty |





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU SỐ 3
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/04/2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

MINUTES OF SCRUTINY NO. 3
THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
DATED APRIL 17th, 2024
PHU HUNG SECURITIES CORPORATION

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17th, 2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”);
Pursuant to the current charter of Phu Hung Securities Corporation (“PHS”);
- Căn cứ tình hình biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 17/04/2024 (“Đại Hội”).
Based on voting of the shareholders attending the Annual General Meeting of Shareholders dated April 17th, 2024 (“AGMS”).

Hôm nay, vào lúc 14h30 ngày 17 tháng 04 năm 2024 tại Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, thành phần Ban kiểm phiếu Đại Hội của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng gồm:
Today, at 2:30 P.M, dated April 17th, 2024 at 21st Floor, Phu My Hung Tower, 08 Hoang Van Thai, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, the Scrutiny team of AGMS includes:

- Bà (Ms.) Phan Thị Kim Anh - Trưởng Ban kiểm phiếu (*Chief of Scrutiny team*)
- Bà (Ms.) Nguyễn Thị Kiên Châm - Thành viên Ban kiểm phiếu (*Member of Scrutiny team*)
- Bà (Ms.) Trần Thị Thu Hà - Thành viên Ban kiểm phiếu (*Member of Scrutiny team*)

Vào lúc 14h30 giờ ngày 17/04/2024, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là 28 cổ đông, đại diện cho 147.354.089 cổ phần.
At 2:30 P.M dated April 17th, 2024 the attending shareholders and their authorized persons are 28 shareholders; representing 147,354,089 shares.

Tuy nhiên, căn cứ theo Khoản 3 Điều 43 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020: “Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham

gia biểu quyết". Kết quả biểu quyết được tính dựa trên số lượng thành viên có quyền biểu quyết còn lại. Phu Hung Far East Holding Corporation (69.004.600 cổ phiếu), Cat Tinh Development Limited (258.177 cổ phiếu), New Beam International INC (26.176.745 cổ phiếu) và Dong Bang Development Limited (7.290.486 cổ phiếu) là tổ chức có liên quan trong đợt chào bán nên sẽ không tham gia biểu quyết cho vấn đề này

However, pursuant to Clause 3, Article 43 of Decree 155/2020/NĐ-CP dated December 31st, 2020: "Persons whose interests are relevant to the offering must not vote". The vote result is calculated based on the number of votes of the remaining voting members. Phu Hung Far East Holding Corporation (69,004,600 shares), Cat Tinh Development Limited (258,177 shares), New Beam International INC (26,176,745 shares) and Dong Bang Development Limited (7,290,486 shares) is the relevant organization in the offering so it doesn't have the right to vote in this issue.

Do đó, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự có quyền biểu quyết vấn đề này là 24 cổ đông, đại diện cho 44.624.081 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết của Công ty.

Therefore, the attending shareholders and their authorized persons for voting rights of this issue are 24 shareholders; representing 44,624,081 shares; taking 100% of the total voting attending shares of the Company.

Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm tra tình hình biểu quyết các nội dung của chương trình nghị sự tại Đại Hội của PHS. Kết quả kiểm phiếu như sau:

Conducted the scrutiny of votes for the contents stated at the Agenda of AGMS. The scrutiny result could be described as follows:

KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU RESULT OF THE SCRUTINY

Thảo luận và biểu quyết thông qua Danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu PHS trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ

Discuss and pass the list of investors who register to buy share of PHS in the private issue.

1. Nhà đầu tư: Phu Hung Far East Holding Corporation Investor: Phu Hung Far East Holding Corporation

Tỷ lệ biểu quyết (*Voting ratio*):

| Ý kiến (Opinion) | Số phiếu biểu quyết (Voting shares) | Ti lệ (Percentage) |
|---|--|-------------------------------|
| a. Phiếu hợp lệ (<i>Valid vote</i>) | 44.623.581 | 99,999% |
| b. Phiếu không hợp lệ (<i>Invalid vote</i>) | 500 | 0,001% |
| c. Tán thành (<i>Agree</i>): | 44.623.581 | 99,999% |
| d. Không tán thành (<i>Disagree</i>): | 0 | 0% |
| e. Không có ý kiến (<i>Abstain</i>): | 0 | 0% |

2. Nhà đầu tư: Cat Tinh Development Limited
Investor: Cat Tinh Development Limited

Tỷ lệ biểu quyết (Voting ratio):

| Ý kiến (Opinion) | Số phiếu biểu quyết (Voting shares) | Tỉ lệ (Percentage) |
|--------------------------------------|--|-----------------------|
| a. Phiếu hợp lệ (Valid vote) | 44.623.581 | 99,999% |
| b. Phiếu không hợp lệ (Invalid vote) | 500 | 0,001% |
| c. Tán thành (Agree): | 44.623.581 | 99,999% |
| d. Không tán thành (Disagree): | 0 | 0% |
| e. Không có ý kiến (Abstain): | 0 | 0% |

3. Nhà đầu tư: New Beam International INC
Investor: New Beam International INC

Tỷ lệ biểu quyết (Voting ratio):

| Ý kiến (Opinion) | Số phiếu biểu quyết (Voting shares) | Tỉ lệ (Percentage) |
|--------------------------------------|--|-----------------------|
| a. Phiếu hợp lệ (Valid vote) | 44.623.581 | 99,999% |
| b. Phiếu không hợp lệ (Invalid vote) | 500 | 0,001% |
| c. Tán thành (Agree): | 44.623.581 | 99,999% |
| d. Không tán thành (Disagree): | 0 | 0% |
| e. Không có ý kiến (Abstain): | 0 | 0% |

4. Nhà đầu tư: Dong Bang Development Limited
Investor: Dong Bang Development Limited

Tỷ lệ biểu quyết (Voting ratio):

| Ý kiến (Opinion) | Số phiếu biểu quyết (Voting shares) | Tỉ lệ (Percentage) |
|--------------------------------------|--|-----------------------|
| a. Phiếu hợp lệ (Valid vote) | 44.623.581 | 99,999% |
| b. Phiếu không hợp lệ (Invalid vote) | 500 | 0,001% |
| c. Tán thành (Agree): | 44.623.581 | 99,999% |
| d. Không tán thành (Disagree): | 0 | 0% |
| e. Không có ý kiến (Abstain): | 0 | 0% |

Việc kiểm phiếu biểu quyết kết thúc vào lúc 15h45 ngày 17 tháng 04 năm 2024 và được công bố tại Đại Hội.

The voting scrutiny ends at 3:45 P.M dated April 17th, 2024 and is declared at the AGMS.

Biên bản kiểm phiếu biểu quyết số 3 được lập thành hai (02) bản, lưu tại Hội sở của PHS

The Minutes of Scrutiny No.3 is made in two (02) originals and is archived at the Head Office of PHS.

**TRƯỜNG BAN KIỂM PHIẾU
CHIEF OF THE SCRUTINY
TEAM**



PHAN THỊ KIM ANH

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM
PHIẾU
MEMBER OF THE
SCRUTINY TEAM**



NGUYỄN THỊ KIÊN CHÂM

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM
PHIẾU
MEMBER OF THE
SCRUTINY TEAM**



TRẦN THỊ THU HÀ

Số: ...01./2024/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của công ty (<https://www.phs.vn>), bao gồm:

- 1/ Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc;
- 2/ Báo cáo Kiểm toán độc lập;
- 3/ Báo cáo Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023;
- 4/ Báo cáo Kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31/12/2023;
- 5/ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31/12/2023;
- 6/ Báo cáo Tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31/12/2023;
- 7/ Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2023.

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản sau:

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|-----|----------------------|-------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 4.040.738.369.898 |
| 2 | Vốn Chủ sở hữu | 1.611.992.546.411 |
| 3 | Doanh thu | 599.799.512.180 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 56.199.240.960 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 44.550.793.002 |

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Dính kèm:

1. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.


ALBERT KWANG-CHIN TING



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

| | |
|---------------|---------------------------|
| 122/GP-UBCK | ngày 20 tháng 1 năm 2016 |
| 18/GPĐC-UBCK | ngày 22 tháng 6 năm 2016 |
| 23/GPĐC-UBCK | ngày 25 tháng 7 năm 2016 |
| 03/GPĐC-UBCK | ngày 23 tháng 1 năm 2017 |
| 03/GPĐC-UBCK | ngày 11 tháng 1 năm 2018 |
| 100/GPĐC-UBCK | ngày 29 tháng 11 năm 2018 |
| 107/GPĐC-UBCK | ngày 26 tháng 12 năm 2018 |
| 47/GPĐC-UBCK | ngày 21 tháng 8 năm 2019 |
| 12/GPĐC-UBCK | ngày 4 tháng 3 năm 2020 |
| 03/GCN-UBCK | ngày 16 tháng 6 năm 2020 |
| 04/GCN-UBCK | ngày 16 tháng 6 năm 2020 |
| 48/GPĐC-UBCK | ngày 24 tháng 6 năm 2021 |
| 82/GPĐC-UBCK | ngày 28 tháng 9 năm 2021 |
| 57/GCN-UBCK | ngày 31 tháng 12 năm 2021 |
| 79/GPĐC-UBCK | ngày 29 tháng 8 năm 2022 |
| 110/GPĐC-UBCK | ngày 10 tháng 11 năm 2022 |

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy
Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần,
và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
số 0313642887 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng
ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế
hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------------|--------------------|
| Ông Albert Kwang-Chin Ting | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đoàn Hùng | Thành viên |
| Ông Wu, Jin-Jeng | Thành viên |
| Ông Chen Chia Ken | Thành viên |
| Bà Liu, Hsiu-Mei | Thành viên độc lập |

Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Liew Sep Siang | Trưởng ban |
| Ông Chiu, Hsien-Chih | Thành viên |
| Bà Kuo, Ping-Min | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|---------------------------------|
| Ông Chen Chia Ken | Tổng Giám đốc |
| Bà Phạm Thị Thu Nhân | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Li, Hsin-Hsien | Phó Tổng Giám đốc |
| | (đến ngày 25 tháng 10 năm 2023) |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower
8 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phòng Giao dịch
Phú Mỹ Hưng** Tầng trệt, CR2-08
107 Tôn Dật Tiên
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 3 Tầng 4 & 5
458 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 2, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ
Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội Tầng 5, Tòa nhà Vinafor
127 Lò Đúc
Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Xuân Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex
N04 Hoàng Đạo Thúy
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng Tầng 2, Tòa nhà Eliteco
18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Quận 1 Phòng 1003A, Tầng 10
81-83-83B-85 Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2024

1.1/P.H

001-C
ẢNH
TINH
IG
CHỈ NH



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 23-01-00343-24-1



Chang Hưng Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2024

12042
CHI NH
NG TY
KPM
PHỐ HỒ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND | |
|----------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | | |
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130) | 100 | 3.959.452.700.074 | 3.594.952.135.875 | |
| I | Tài sản tài chính | 110 | 3.954.792.801.205 | 3.591.804.899.063 | |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 111 | 5 | 196.824.308.864 | 763.880.564.438 |
| 1.1 | Tiền | 111.1 | | 91.373.936.013 | 55.080.564.438 |
| 1.2 | Các khoản tương đương tiền | 111.2 | | 105.450.372.851 | 708.800.000.000 |
| 2 | Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi hoặc lỗ (“FVTPL”) | 112 | 7(a) | 90.634.482.673 | 6.715.109.065 |
| 3 | Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 113 | 7(b) | 654.213.238.356 | 768.313.246.576 |
| 4 | Các khoản cho vay | 114 | 7(c) | 2.951.919.275.244 | 1.991.637.329.285 |
| 6 | Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính | 116 | 11(a) | (30.551.507.140) | (13.161.395.486) |
| 7 | Các khoản phải thu | 117 | 8 | 74.788.081.049 | 57.343.194.800 |
| 7.2 | Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính | 117.2 | | 74.788.081.049 | 57.343.194.800 |
| 8 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 118 | | 7.108.023.307 | 1.699.892.844 |
| 9 | Phải thu các dịch vụ cung cấp | 119 | 9 | 3.964.076.031 | 9.823.664.112 |
| 12 | Các khoản phải thu khác | 122 | 10 | 12.786.514.140 | 13.006.432.355 |
| 13 | Dự phòng phải thu khó đòi | 129 | 11(b) | (6.893.691.319) | (7.453.138.926) |
| II | Tài sản ngắn hạn khác | 130 | | 4.659.898.869 | 3.147.236.812 |
| 1 | Tạm ứng | 131 | | 162.595.400 | 98.000.000 |
| 3 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 133 | 12(a) | 4.497.303.469 | 3.049.236.812 |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 250) | 200 | | 81.285.669.824 | 81.271.404.320 |
| II | Tài sản cố định | 220 | | 23.745.314.509 | 30.020.996.970 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 13.805.025.065 | 17.836.383.954 |
| | Nguyên giá | 222 | | 47.229.401.364 | 46.081.175.822 |
| | Giá trị hao mòn lũy kế | 223a | | (33.424.376.299) | (28.244.791.868) |
| 3 | Tài sản cố định vô hình | 227 | 14 | 9.940.289.444 | 12.184.613.016 |
| | Nguyên giá | 228 | | 26.091.616.400 | 25.271.616.400 |
| | Giá trị hao mòn lũy kế | 229a | | (16.151.326.956) | (13.087.003.384) |
| IV | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 15 | - | 1.633.369.056 |
| V | Tài sản dài hạn khác | 250 | | 57.540.355.315 | 49.617.038.294 |
| 1 | Ký quỹ, ký cược dài hạn | 251 | 16 | 5.637.869.733 | 4.624.178.350 |
| 2 | Chi phí trả trước dài hạn | 252 | 12(b) | 18.287.789.360 | 16.785.221.733 |
| 3 | Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 253 | 17 | 6.591.125.211 | 3.704.283.910 |
| 4 | Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán | 254 | 18 | 16.964.116.068 | 14.464.116.068 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 255 | 19 | 10.059.454.943 | 10.039.238.233 |
| | TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 4.040.738.369.898 | 3.676.223.540.195 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340) | 300 | | 2.428.745.823.487 | 2.078.779.920.986 |
| I Nợ phải trả ngắn hạn | 310 | | 2.426.614.761.125 | 2.076.799.906.542 |
| 1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 311 | | 1.990.040.000.000 | 1.833.020.000.000 |
| 1.1 Vay ngắn hạn | 312 | 20 | 1.990.040.000.000 | 1.833.020.000.000 |
| 6 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 318 | 21 | 389.121.316.960 | 199.342.817.216 |
| 8 Phải trả người bán | 320 | | 66.259.697 | 431.709.828 |
| 10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 322 | 22 | 11.982.298.962 | 15.255.012.141 |
| 11 Phải trả người lao động | 323 | | - | 6.146.000 |
| 12 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 324 | | 372.753.773 | 370.446.773 |
| 13 Chi phí phải trả | 325 | 23 | 23.311.796.104 | 18.899.320.991 |
| 17 Các khoản phải trả khác | 329 | 24 | 11.720.335.629 | 9.474.453.593 |
| II Nợ phải trả dài hạn | 340 | | 2.131.062.362 | 1.980.014.444 |
| 12 Dự phòng phải trả dài hạn | 354 | | 2.131.062.362 | 1.980.014.444 |
| D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 1.611.992.546.411 | 1.597.443.619.209 |
| I Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.611.992.546.411 | 1.597.443.619.209 |
| 1 Vốn cổ phần | 411 | 25 | 1.500.097.005.000 | 1.500.097.005.000 |
| 1.1 Vốn cổ phần | 411.1 | | 1.500.098.190.000 | 1.500.098.190.000 |
| 1.5 Cổ phiếu quỹ | 411.5 | | (1.185.000) | (1.185.000) |
| 4 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 414 | | 12.064.998.139 | 12.064.998.139 |
| 5 Quỹ dự phòng tài chính | 415 | | - | 12.064.998.139 |
| 7 Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | | 99.830.543.272 | 73.216.617.931 |
| 7.1 Lợi nhuận đã thực hiện | 417.1 | | 105.003.116.298 | 24.115.514.543 |
| 7.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện | 417.2 | | (5.172.573.026) | 49.101.103.388 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400) | 440 | | 4.040.738.369.898 | 3.676.223.540.195 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| | Mã số | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND | |
|---|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| A. TÀI SẢN VÀ NỢ CỦA CÔNG TY | | | | |
| 6 | Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu) | 006 | 150.009.329 | 150.009.329 |
| 7 | Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu) | 007 | 490 | 490 |
| 8 | TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty | 008 | 13.602.690.000 | 1.313.540.000 |
| 9 | TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty | 009 | 2.420.000 | 2.500.000 |
| 10 | TSTC chờ về của Công ty | 010 | 218.600.000 | 57.000.000 |
| 13 | TSTC được hưởng quyền của Công ty | 013 | 149.200.000 | 6.710.000 |
| 14 | Chứng quyền có bảo đảm (số lượng) | 014 | 1.065.800 | - |
| B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG | | | | |
| 1 | TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng | 021 | 8.178.036.075.000 | 6.855.539.762.000 |
| a | <i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i> | 021.1 | 7.489.234.325.000 | 6.168.361.102.000 |
| b | <i>TSTC hạn chế chuyển nhượng</i> | 021.2 | 27.916.510.000 | 109.765.880.000 |
| c | <i>TSTC giao dịch cầm cố</i> | 021.3 | 218.667.990.000 | 203.667.990.000 |
| d | <i>TSTC phong tỏa, tạm giữ</i> | 021.4 | 312.000.690.000 | 308.993.160.000 |
| e | <i>TSTC chờ thanh toán</i> | 021.5 | 130.216.560.000 | 64.751.630.000 |
| 2 | TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng | 022 | 371.080.410.000 | 606.584.450.000 |
| a | <i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i> | 022.1 | 75.800.070.000 | 96.265.250.000 |
| b | <i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i> | 022.2 | 295.280.340.000 | 510.319.200.000 |
| 3 | TSTC chờ về của nhà đầu tư/khách hàng | 023 | 164.619.850.000 | 97.802.768.000 |
| 6 | TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng | 025 | 8.242.480.000 | 6.480.280.000 |
| 7 | Tiền gửi của khách hàng | 026 | 763.571.527.689 | 486.676.329.967 |
| 7.1 | Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý | 027 | 425.156.275.773 | 219.474.250.558 |
| 7.2 | Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD | 027.1 | 338.415.251.916 | 267.202.079.409 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|---|--------------|---------------------------|---------------------------|
| 8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý | 031 | 425.156.275.773 | 219.474.250.558 |
| 8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý | 031.1 | 420.204.181.753 | 201.859.275.797 |
| 8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý | 031.2 | 4.952.094.020 | 17.614.974.761 |

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B02 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2023 VND | 2022 VND | |
|------------------------------|-----------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| I DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | | | |
| 1.1 | | Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi hoặc lỗ (“FVTPL”) | 01 | 14.328.354.651 | 1.933.611.365 |
| a | 01.1 | Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL | 26 | 11.017.029.327 | 3.419.602.661 |
| b | 01.2 | Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL | | 2.988.633.744 | (1.827.492.604) |
| c | 01.3 | Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL | | 322.691.580 | 341.501.308 |
| 1.2 | 02 | Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 27 | 73.112.766.792 | 49.989.155.905 |
| 1.3 | 03 | Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 28 | 314.274.638.330 | 289.890.811.142 |
| 1.6 | 06 | Doanh thu môi giới chứng khoán | | 150.678.112.953 | 188.307.352.556 |
| 1.9 | 09 | Doanh thu lưu ký chứng khoán | | 5.800.985.994 | 3.978.382.004 |
| 1.10 | 10 | Doanh thu tư vấn | | - | 558.343.434 |
| 1.11 | 11 | Thu nhập hoạt động khác | | 845.048.647 | 957.190.175 |
| | 20 | Tổng doanh thu hoạt động | | 559.039.907.367 | 535.614.846.581 |
| II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | | |
| 2.1 | 21 | Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL | | 9.872.981.763 | 5.777.217.205 |
| a | 21.1 | Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL | 26 | 9.775.671.605 | 5.263.454.832 |
| b | 21.2 | Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL | | (91.958.053) | 513.762.373 |
| d | | Lỗ do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành | | 189.268.211 | - |
| 2.4 | 24 | Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu | 11(a) | 17.390.111.654 | 6.324.369.569 |
| 2.6 | 26 | Chi phí hoạt động tự doanh | | 3.174.982.903 | 2.279.450.833 |
| 2.7 | 27 | Chi phí môi giới chứng khoán | 29 | 168.864.542.818 | 188.884.670.152 |
| 2.10 | 30 | Chi phí lưu ký chứng khoán | | 6.388.857.906 | 4.514.699.277 |
| 2.11 | 31 | Chi phí nghiệp vụ tư vấn | | 1.155.892.164 | 1.858.604.566 |
| 2.12 | 32 | Chi phí khác | 11(b) | (559.447.607) | 1.137.651.844 |
| | 40 | Tổng chi phí hoạt động | | 206.287.921.601 | 210.776.663.446 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2023 VND | 2022 VND |
|-------------|-----------|---|------------------------|------------------------|
| III | | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| 3.1 | 41 | Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 39.327.917.136 | 57.236.901.439 |
| 3.2 | 42 | Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng | 1.431.687.677 | 997.023.800 |
| | 50 | Tổng doanh thu hoạt động tài chính | 40.759.604.813 | 58.233.925.239 |
| IV | | CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | |
| 4.1 | 51 | Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 84.859.712.000 | 126.592.566.799 |
| 4.2 | 52 | Chi phí lãi vay | 149.125.757.455 | 87.384.149.853 |
| | 60 | Tổng chi phí tài chính | 233.985.469.455 | 213.976.716.652 |
| VI | 62 | CHI PHÍ QUẢN LÝ | 103.166.761.773 | 96.158.826.067 |
| VII | 70 | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 – 40 – 60 – 62) | 56.359.359.351 | 72.936.565.655 |
| VIII | | THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | |
| 8.1 | 71 | Thu nhập khác | 468.124.194 | 806.933.548 |
| 8.2 | 72 | Chi phí khác | 628.242.585 | 60.625.404 |
| | 80 | Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72) | (160.118.391) | 746.308.144 |
| IX | 90 | TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) | 56.199.240.960 | 73.682.873.799 |
| 9.1 | 91 | Lợi nhuận đã thực hiện | 110.472.917.374 | 35.464.128.776 |
| 9.2 | 92 | (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện | (54.273.676.414) | 38.218.745.023 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 2023 VND | 2022 VND | | |
|-------------|--------------|---|---------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| X | | CHI PHÍ THUẾ TNDN | 100 | 11.648.447.958 | 13.703.672.240 | |
| 10.1 | | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 100.1 | 32 | 14.535.289.259 | 17.129.325.656 |
| 10.2 | | Lợi ích thuế TNDN hoãn lại | 100.2 | 32 | (2.886.841.301) | (3.425.653.416) |
| XI | | LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) | 200 | | 44.550.793.002 | 59.979.201.559 |
| XII | | THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC | 300 | | - | - |
| XIII | | THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU | 500 | | | |
| 13.1 | | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 501 | 33 | 297 | 400 |

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2023 VND | 2022 VND |
|--|-----------|--------------------------|------------------------|
| I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1 Lợi nhuận trước thuế TNDN | 01 | 56.199.240.960 | 73.682.873.799 |
| 2 Điều chỉnh cho các khoản | 02 | 214.689.026.513 | 52.377.239.979 |
| Khấu hao và phân bổ | 03 | 8.862.034.251 | 8.487.858.178 |
| Các khoản dự phòng | 04 | 16.981.711.965 | 7.650.025.023 |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 05 | 57.165.000.000 | (40.560.000.000) |
| Chi phí lãi | 06 | 149.125.757.455 | 87.384.149.853 |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | 07 | (590.909) | - |
| Dự thu tiền lãi | 08 | (17.444.886.249) | (10.584.793.075) |
| 3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ | 10 | 97.310.158 | 513.762.373 |
| Tăng chênh lệch giảm từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL | 11 | 97.310.158 | 513.762.373 |
| 4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ | 18 | (2.988.633.744) | 1.827.492.604 |
| (Tăng)/giảm chênh lệch tăng từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL | 19 | (2.988.633.744) | 1.827.492.604 |
| 5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | | | |
| (30 = 01 + 02 + 10 + 18) | 30 | 267.996.943.887 | 128.401.368.755 |
| (Tăng)/giảm TSTC ghi nhận theo FVTPL | 31 | (80.838.781.811) | 10.365.336.095 |
| Giảm/(tăng) đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 32 | 114.100.008.220 | (168.090.246.576) |
| (Tăng)/giảm các khoản cho vay | 33 | (960.281.945.959) | 1.546.456.245.375 |
| Giảm các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp | 37 | 5.859.588.081 | 150.237.555.187 |
| Giảm các khoản phải thu khác | 39 | 219.918.215 | 96.497.669 |
| Tăng các tài sản khác | 40 | (3.598.503.493) | (2.684.677.085) |
| Tăng/(giảm) chi phí phải trả | 41 | 1.657.810.127 | (11.099.522.031) |
| Giảm/(tăng) chi phí trả trước | 42 | 3.499.290.900 | (546.339.121) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả | 43 | (14.534.752.098) | (19.239.475.429) |
| Tiền lãi đã trả | 44 | (146.371.092.469) | (86.660.493.478) |
| Giảm phải trả cho người bán | 45 | (5.773.580.594) | (1.986.291.289) |
| Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi | 46 | 2.307.000 | (4.216.050) |
| Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 47 | (3.273.250.340) | (1.135.864.875) |
| Giảm phải trả người lao động | 48 | (6.146.000) | - |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả khác | 50 | 199.425.944.169 | (649.012.692.420) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 60 | (621.916.242.165) | 895.097.184.727 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2023 VND | 2022 VND |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 61 | (7.402.907.918) | (10.323.714.256) |
| Tiền thu từ việc thanh lý tài sản cố định | 62 | 590.909 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 70 | (7.402.317.009) | (10.323.714.256) |
| III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ đi vay ngắn hạn | 73 | 9.392.294.124.101 | 11.877.850.193.200 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 74 | (9.292.439.124.101) | (12.259.270.193.200) |
| Trả cổ tức cho cổ đông | 76 | (37.592.696.400) | (64.248.495.240) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 80 | 62.262.303.600 | (445.668.495.240) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 90 | (567.056.255.574) | 439.104.975.231 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 101 | 763.880.564.438 | 324.775.589.207 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5) | 103 | 196.824.308.864 | 763.880.564.438 |
| ▪ Tiền | 103.1 | 91.373.936.013 | 55.080.564.438 |
| ▪ Các khoản tương đương tiền | 103.2 | 105.450.372.851 | 708.800.000.000 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

1204:
II NH
IG TY
(PN
VỞ HỒ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

| | Mã số | 2023 VND | 2022 VND |
|---|-----------|------------------------|------------------------|
| Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | |
| Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | 01 | 38.749.240.984.544 | 55.278.898.044.103 |
| Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | 02 | (39.824.401.812.944) | (53.472.664.033.750) |
| Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 07 | 55.500.518.225.396 | 68.602.863.817.464 |
| Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD | 07.1 | 71.213.172.507 | 179.309.741.391 |
| Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 08 | (54.217.612.309.741) | (70.398.012.296.993) |
| Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng | 11 | (2.063.062.040) | (1.820.656.232) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 20 | 276.895.197.722 | 188.574.615.983 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng | | | |
| Tiền gửi ngân hàng đầu năm | 30 | 486.676.329.967 | 298.101.713.984 |
| Tiền gửi ngân hàng đầu năm | 31 | 486.676.329.967 | 298.101.713.984 |
| ▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý | 32 | 486.676.329.967 | 298.101.713.984 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30) | 40 | 763.571.527.689 | 486.676.329.967 |
| Tiền gửi ngân hàng cuối năm | | | |
| Tiền gửi ngân hàng cuối năm | 41 | 763.571.527.689 | 486.676.329.967 |
| ▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý | 42 | 763.571.527.689 | 486.676.329.967 |
| Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD | | 338.415.251.916 | 267.202.079.409 |

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 110/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 11 năm 2022 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 1.500.098.190.000 VND (31/12/2022: 1.500.098.190.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay ký quỹ, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 382 nhân viên (31/12/2022: 356 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Ngoại trừ phải trả chứng quyền đảm bảo được ghi nhận FVTPV như thuyết minh 3(h), Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cản trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán kèm theo các công cụ vốn đó được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

| <i>Tình trạng quá hạn</i> | <i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i> |
|---|---------------------------------|
| Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Từ ba (03) năm trở lên | 100% |

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Chứng quyền có đảm bảo

Chứng quyền có bảo đảm cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có đảm bảo theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá gốc và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Chứng quyền đảm bảo được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được ghi nhận theo giá trị hợp lý sau ngày ghi nhận ban đầu.

Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính trong kỳ khi phát sinh.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------------|-----------|
| ▪ nâng cấp tài sản thuê | 5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 - 7 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 - 4 năm |
| ▪ đồ đạc và trang bị văn phòng | 5 năm |

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

120
HINH
ONG
KF
H PHU

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

0
IA
TY
MI
HỒ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

| | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i) | 196.820.272.609 | 763.877.428.183 |
| Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i) | 654.213.238.356 | 768.313.246.576 |
| Các khoản cho vay – gộp (ii) | 2.951.919.275.244 | 1.991.637.329.285 |
| Các khoản phải thu (ii) | 74.788.081.049 | 57.343.194.800 |
| Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii) | 3.964.076.031 | 9.823.664.112 |
| Các khoản phải thu khác (ii) | 12.786.514.140 | 13.006.432.355 |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán | 16.964.116.068 | 14.464.116.068 |
| Tiền gửi cố kỳ hạn - dài hạn | 5.637.869.733 | 4.624.178.350 |
| Tài sản dài hạn khác | 10.059.454.943 | 10.039.238.233 |
| | 3.927.152.898.173 | 3.633.128.827.962 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của hợp đồng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán từ 3 năm trở lên | 11.174.224.109 | 11.441.401.806 |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm | 4.443.207.793 | 3.924.199.169 |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm | - | 862.826.748 |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm | 48.291.197.147 | - |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm | - | 48.291.197.147 |
| | 63.908.629.049 | 64.519.624.870 |

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại | 4.280.532.790 | 3.988.262.880 |
| ▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | 966.990 | 5.253.080 |
| ▪ Sàn UPCOM | 4.279.565.800 | 3.983.009.800 |
| TSTC phong tỏa, tạm giữ | 22.182.897.800 | 39.916.827.578 |
| | 26.463.430.590 | 43.905.090.458 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị tổn thất như sau:

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên | 921.228.900 | 732.072.435 |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm | - | 770.013.968 |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1-2 năm | 770.013.968 | - |

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính cố khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND |
|--|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| Vay ngắn hạn | 1.990.040.000.000 | 2.046.606.490.335 | 2.046.606.490.335 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 389.121.316.960 | 389.121.316.960 | 389.121.316.960 |
| Phải trả người bán | 66.259.697 | 66.259.697 | 66.259.697 |
| Chi phí phải trả | 12.125.926.733 | 12.125.926.733 | 12.125.926.733 |
| Các khoản phải trả khác | 11.720.335.629 | 11.720.335.629 | 11.720.335.629 |
| | 2.403.073.839.019 | 2.459.640.329.354 | 2.459.640.329.354 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND |
| Vay ngắn hạn | 1.833.020.000.000 | 1.874.732.368.176 | 1.874.732.368.176 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 199.342.817.216 | 199.342.817.216 | 199.342.817.216 |
| Phải trả người bán | 431.709.828 | 431.709.828 | 431.709.828 |
| Chi phí phải trả | 8.184.877.050 | 8.184.877.050 | 8.184.877.050 |
| Các khoản phải trả khác | 9.474.453.593 | 9.474.453.593 | 9.474.453.593 |
| | 2.050.453.857.687 | 2.092.166.225.863 | 2.092.166.225.863 |

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

| | 31/12/2023 | | 31/12/2022 | |
|--------------|------------|-------------------|------------|-------------------|
| | USD | Tương đương VND | USD | Tương đương VND |
| Vay ngắn hạn | 66.000.000 | 1.613.040.000.000 | 73.000.000 | 1.733.020.000.000 |

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

| | Tỷ giá hối đoái tại ngày | |
|---------|--------------------------|------------|
| | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
| USD/VND | 24.440 | 23.740 |

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

| | Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND |
|--|--|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | |
| USD (mạnh hơn 3% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế | 38.712.960.000 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | |
| USD (mạnh hơn 4% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế | 55.456.640.000 |

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

| | Giá trị ghi sổ | |
|--|---------------------|---------------------|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Các công cụ tài chính có lãi suất | | |
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | 196.820.272.609 | 763.877.428.183 |
| Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 654.213.238.356 | 768.313.246.576 |
| Các khoản cho vay thuận | 2.921.367.768.104 | 1.978.475.933.799 |
| Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán | 16.964.116.068 | 14.464.116.068 |
| Tài sản dài hạn khác | 10.059.454.943 | 10.039.238.233 |
| Vay ngắn hạn | (1.990.040.000.000) | (1.833.020.000.000) |

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

| | 31/12/2023 | | 31/12/2022 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND |
| <i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i> | | | | |
| ▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL | | | | |
| • Có phiếu niêm yết | 39.528.199.108 | 39.528.199.108 | 6.304.703.558 | 6.304.703.558 |
| • Có phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM | 27.689.899 | 27.689.899 | 395.505.500 | 395.505.500 |
| • Có phiếu chưa niêm yết | 15.046.527 | 15.046.527 | 14.900.007 | 14.900.007 |
| ▪ Chứng chỉ quỹ | 51.063.547.139 | 51.063.547.139 | - | - |
| <i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i> | | | | |
| ▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 654.213.238.356 | 654.213.238.356 | 768.313.246.576 | 768.313.246.576 |
| <i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i> | | | | |
| ▪ Tiền và các khoản tương đương tiền | 196.824.308.864 | 196.824.308.864 | 763.880.564.438 | 763.880.564.438 |
| ▪ Các khoản cho vay - thuần | 2.921.367.768.104 | (*) | 1.978.475.933.799 | (*) |
| ▪ Các khoản phải thu | 74.788.081.049 | (*) | 57.343.194.800 | (*) |
| ▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp | 3.964.076.031 | (*) | 9.823.664.112 | (*) |
| ▪ Các khoản phải thu khác - thuần | 5.892.822.821 | (*) | 5.553.293.429 | (*) |
| ▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 16.964.116.068 | (*) | 14.464.116.068 | (*) |
| ▪ Tài sản dài hạn khác | 10.059.454.943 | (*) | 10.039.238.233 | (*) |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | 31/12/2023 | 31/12/2022 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND | Giá trị hợp lý VND |
| Nợ phải trả tài chính | | | |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo FVTPL:</i> | | | |
| Phải trả chứng quyền | (6.479.570.000) | (6.479.570.000) | - |
| Nợ phải trả tài chính | | | |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i> | | | |
| ▪ Vay ngắn hạn | (1.990.040.000.000) | (*) | (1.833.020.000.000) |
| ▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | (389.121.316.960) | (*) | (199.342.817.216) |
| ▪ Phải trả người bán | (66.259.697) | (*) | (431.709.828) |
| ▪ Chi phí phải trả | (12.125.926.733) | (*) | (8.184.877.050) |
| ▪ Phải trả khác | (11.720.335.629) | (*) | (9.474.453.593) |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 4.036.255 | 3.136.255 |
| Tiền gửi ngân hàng | 91.369.899.758 | 55.077.428.183 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 105.450.372.851 | 708.800.000.000 |
| | 196.824.308.864 | 763.880.564.438 |

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 1,8% đến 3,8% (31/12/2022: từ 5,0% đến 6,0%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền và các khoản tương đương tiền có giá trị ghi sổ là 105.450.372.851 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2022: 91.000.000.000 VND) (Thuyết minh 20).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

| | 2023 | | 2022 | |
|-------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| | Khối lượng giao dịch thực hiện | Giá trị giao dịch thực hiện VND | Khối lượng giao dịch thực hiện | Giá trị giao dịch thực hiện VND |
| a) Của Công ty | | | | |
| Cổ phiếu | 11.318.382 | 331.662.575.670 | 2.753.544 | 142.311.582.746 |
| Trái phiếu | - | - | 11.382.564 | 1.154.627.879.404 |
| Chứng khoán khác | 36.467.249 | 141.520.479.530 | - | - |
| b) Của nhà đầu tư/khách hàng | | | | |
| Cổ phiếu | 4.283.789.996 | 83.402.646.328.420 | 4.180.501.483 | 115.920.499.518.256 |
| Trái phiếu | 16.030.756 | 1.717.217.393.028 | 11.840.000 | 1.208.643.990.000 |
| Chứng khoán khác | 47.787.498 | 83.383.341.310 | 31.782.340 | 49.545.054.710 |
| | 4.395.393.881 | 85.676.430.117.958 | 4.238.259.931 | 118.475.628.025.116 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

| | 31/12/2023 | | 31/12/2022 | |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Cổ phiếu niêm yết | 38.225.051.062 | 39.528.199.108 | 7.002.606.666 | 6.304.703.558 |
| Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM | 27.689.899 | 27.689.899 | 411.499.004 | 395.505.500 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 15.046.527 | 15.046.527 | 14.900.007 | 14.900.007 |
| Chứng chỉ quỹ | 50.000.000.000 | 51.063.547.139 | - | - |
| | 88.267.787.488 | 90.634.482.673 | 7.429.005.677 | 6.715.109.065 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL tại ngày báo cáo như sau:

| | Số lượng | 31/12/2023 | | Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 | | Giá trị đánh giá lại | |
|-------------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Chênh lệch tăng | Chênh lệch giảm | VND | VND |
| | | VND (1) | VND (2) | VND (3) = (2) – (1) | VND (4) = (1) – (2) | (5) = (1) + (3) – (4) | (5) = (1) + (3) – (4) |
| Cổ phiếu niêm yết | | | | | | | |
| HPG | 921.000 | 24.596.477,091 | 25.741.950.000 | 1.145.472.909 | - | 25.741.950.000 | |
| DHG | 17.600 | 1.913.697,686 | 1.830.400.000 | 3.935.692 | 87.233.378 | 1.830.400.000 | |
| VNM | 25.020 | 1.792.863,244 | 1.691.352.000 | - | 101.511.244 | 1.691.352.000 | |
| Các cổ phiếu khác | 256.813 | 9.922.013,041 | 10.264.497.108 | 832.376.712 | 489.892.645 | 10.264.497.108 | |
| | 1.220.433 | 38.225.051.062 | 39.528.199.108 | 1.981.785.313 | 678.637.267 | 39.528.199.108 | |
| UPCOM | | | | | | | |
| Các cổ phiếu khác | 728 | 27.689.899 | 27.689.899 | - | - | 27.689.899 | |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | | | | | | | |
| Các cổ phiếu khác | 1.086 | 15.046.527 | 15.046.527 | - | - | 15.046.527 | |
| Chứng chỉ quỹ | | | | | | | |
| PHVSF | 4.821.109 | 50.000.000.000 | 51.063.547.139 | 1.063.547.139 | - | 51.063.547.139 | |
| | 6.043.356 | 88.267.787.488 | 90.634.482.673 | 3.045.332.452 | 678.637.267 | 90.634.482.673 | |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | Số lượng | 31/12/2022 | | Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 | | | Giá trị đánh giá lại VND | |
|--------------------------|----------|----------------|-----|---|------------|----------------------|-----------------------------|-----------------|
| | | Giá gốc VND | (1) | Giá trị hợp lý VND | (2) | Chênh lệch tăng giảm | | |
| | | | | | | (3) = (2) – (1) | | (4) = (1) – (2) |
| Cổ phiếu niêm yết | | | | | | | | |
| BVH | 22.753 | 1.165.751.609 | | 1.060.289.800 | | 105.461.809 | 1.060.289.800 | |
| FPT | 13.453 | 1.042.382.403 | | 1.034.535.700 | 345.241 | 8.191.944 | 1.034.535.700 | |
| SAB | 4.320 | 757.425.917 | | 721.008.000 | - | 36.417.917 | 721.008.000 | |
| VNM | 9.288 | 700.618.373 | | 706.816.800 | 6.563.759 | 365.332 | 706.816.800 | |
| GAS | 5.240 | 558.255.913 | | 531.860.000 | 127.138 | 26.523.051 | 531.860.000 | |
| BMP | 6.612 | 395.393.294 | | 396.720.000 | 1.326.706 | - | 396.720.000 | |
| PNJ | 3.472 | 373.050.384 | | 312.132.800 | 745.049 | 61.662.633 | 312.132.800 | |
| DHG | 3.755 | 322.563.150 | | 318.799.500 | 450.000 | 4.213.650 | 318.799.500 | |
| VJC | 1.415 | 169.918.774 | | 154.942.500 | - | 14.976.274 | 154.942.500 | |
| SSI | 5.051 | 167.466.279 | | 89.402.700 | - | 78.063.579 | 89.402.700 | |
| SHB | 3.782 | 72.149.310 | | 37.630.900 | - | 34.518.410 | 37.630.900 | |
| MSB | 4.141 | 67.396.518 | | 51.762.500 | - | 15.634.018 | 51.762.500 | |
| Các cổ phiếu khác | 47.309 | 1.210.234.742 | | 888.802.358 | 46.653.039 | 368.085.423 | 888.802.358 | |
| | 130.591 | 7.002.606.666 | | 6.304.703.558 | 56.210.932 | 754.114.040 | 6.304.703.558 | |
| UPCOM | | | | | | | | |
| ACV | 4.600 | 397.386.094 | | 389.160.000 | - | 8.226.094 | 389.160.000 | |
| Các cổ phiếu khác | 755 | 14.112.910 | | 6.345.500 | 487.776 | 8.255.186 | 6.345.500 | |
| | 5.355 | 411.499.004 | | 395.505.500 | 487.776 | 16.481.280 | 395.505.500 | |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| Số lượng | 31/12/2022 | | Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 | | Giá trị đánh giá lại VND |
|------------------------|-----------------------|------------------------------|---|---|-----------------------------|
| | Giá gốc VND (1) | Giá trị hợp lý VND (2) | Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1) | Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2) | |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | | | | | |
| TAC | 137 | 6.403.885 | - | - | 6.403.885 |
| ROS | 572 | 3.575.700 | - | - | 3.575.700 |
| Các cổ phiếu khác | 369 | 4.920.422 | - | - | 4.920.422 |
| | 1.078 | 14.900.007 | - | - | 14.900.007 |
| | 137.024 | 7.429.005.677 | 56.698.708 | 770.595.320 | 6.715.109.065 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2023 | | 31/12/2022 | |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i) | 654.213.238.356 | (*) | 768.313.246.576 | (*) |

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 564.213.238.356 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2022: 718.313.246.576 VND) (Thuyết minh 20).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lãi suất tiền gửi có kỳ hạn dao động từ 2,5% đến 8,7%/năm (31/12/2022: từ 4,0% đến 10,5%/năm).

(c) Các khoản cho vay

| | 31/12/2023 | | 31/12/2022 | |
|---|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Cho vay giao dịch ký quỹ (i) | 2.890.043.967.369 | (*) | 1.961.759.634.420 | (*) |
| Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii) | 61.875.307.875 | (*) | 29.877.694.865 | (*) |
| | 2.951.919.275.244 | | 1.991.637.329.285 | |

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 10,0% đến 13,5% (31/12/2022: từ 10,5% đến 14,5%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu dao động từ 50% đến 90% (31/12/2022: từ 50% đến 90%) và tỷ lệ ký quỹ duy trì dao động từ 30% đến 70% (31/12/2022: từ 30% đến 70%).

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm dao động từ 10,5% đến 13,5% (31/12/2022: từ 11,5% đến 14,5%).

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***8. Các khoản phải thu**

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ | 50.865.657.812 | 38.674.541.319 |
| Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 22.028.335.567 | 18.610.954.851 |
| Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi | 1.894.087.670 | 57.698.630 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 74.788.081.049 | 57.343.194.800 |
| | <hr/> | <hr/> |

9. Phải thu các dịch vụ cung cấp

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Phải thu từ hoạt động thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán | 1.461.969.950 | 7.818.970.000 |
| Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán | 1.770.230.617 | 1.195.186.990 |
| Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán | 491.051.396 | 188.065.523 |
| Phải thu khác | 240.824.068 | 621.441.599 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 3.964.076.031 | 9.823.664.112 |
| | <hr/> | <hr/> |

10. Các khoản phải thu khác

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán | 12.095.453.009 | 12.173.474.241 |
| Phải thu khác | 691.061.131 | 832.958.114 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 12.786.514.140 | 13.006.432.355 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi

(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính
2023

| | Tại ngày 31/12/2023 | | Dự phòng tại ngày 31/12/2022 VND | Dự phòng trích lập trong năm VND |
|--------------------------|---------------------|----------------------------------|--|--|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | | |
| Cho vay giao dịch ký quỹ | 52.734.404.940 | 22.182.897.800 | 30.551.507.140 | 17.390.111.654 |

2022

| | Tại ngày 31/12/2022 | | Dự phòng tại ngày 31/12/2021 VND | Dự phòng trích lập trong năm VND |
|--------------------------|---------------------|----------------------------------|--|--|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | | |
| Cho vay giao dịch ký quỹ | 53.078.223.064 | 39.916.827.578 | 13.161.395.486 | 6.324.369.569 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi (tiếp theo)

(b) Dự phòng phải thu khó đòi

2023

| | Tại ngày 31/12/2023 | | Dự phòng tại ngày 31/12/2022 | | Dự phòng trích lập trong năm | |
|--|---------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND | Dự phòng VND | Dự phòng VND | Dự phòng VND |
| Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán | 11.174.224.109 | 4.280.532.790 | 6.893.691.319 | 7.453.138.926 | (559.447.607) | |

2022

| | Tại ngày 31/12/2022 | | Dự phòng tại ngày 31/12/2021 | | Dự phòng hoàn nhập trong năm | |
|--|---------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND | Dự phòng VND | Dự phòng VND | Dự phòng VND |
| Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán | 11.441.401.806 | 3.988.262.880 | 7.453.138.926 | 6.315.487.082 | 1.137.651.844 | |



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Bảo trì phần mềm | 725.350.312 | 520.069.553 |
| Chi phí thuê trả trước | 519.961.414 | 397.739.634 |
| Các chi phí khác | 3.251.991.743 | 2.131.427.625 |
| | <hr/> 4.497.303.469 | <hr/> 3.049.236.812 |

(b) Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Công cụ và dụng cụ | 5.382.643.332 | 5.107.800.698 |
| Phần mềm | 2.657.600.356 | 3.084.781.893 |
| Thiết bị công nghệ thông tin | 1.304.324.849 | 1.241.152.015 |
| Nâng cấp văn phòng | 8.593.137.409 | 6.771.407.807 |
| Các chi phí khác | 350.083.414 | 580.079.320 |
| | <hr/> 18.287.789.360 | <hr/> 16.785.221.733 |

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 16.785.221.733 | 13.006.695.427 |
| Tăng trong năm | 7.886.872.588 | 6.614.398.564 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 5.118.797.232 | 6.547.406.933 |
| Phân bổ trong năm | (11.503.102.193) | (9.383.279.191) |
| | <hr/> 18.287.789.360 | <hr/> 16.785.221.733 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình****2023**

| | Nâng cấp tài sản thuê VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận chuyển VND | Đồ đạc và trang bị văn phòng VND | Tổng VND |
|--|--|---------------------------------------|---|---|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 601.182.219 | 42.761.030.634 | 2.265.440.000 | 453.522.969 | 46.081.175.822 |
| Tăng trong năm | - | 1.323.886.190 | - | 51.805.440 | 1.375.691.630 |
| Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang | - | - | - | 390.660.160 | 390.660.160 |
| Thanh lý | - | (618.126.248) | - | - | (618.126.248) |
| Số dư cuối năm | 601.182.219 | 43.466.790.576 | 2.265.440.000 | 895.988.569 | 47.229.401.364 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 601.182.219 | 25.517.197.597 | 1.985.556.935 | 140.855.117 | 28.244.791.868 |
| Khấu hao trong năm | - | 5.365.539.264 | 279.883.065 | 152.288.350 | 5.797.710.679 |
| Thanh lý | - | (618.126.248) | - | - | (618.126.248) |
| Số dư cuối năm | 601.182.219 | 30.264.610.613 | 2.265.440.000 | 293.143.467 | 33.424.376.299 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 17.243.833.037 | 279.883.065 | 312.667.852 | 17.836.383.954 |
| Số dư cuối năm | - | 13.202.179.963 | - | 602.845.102 | 13.805.025.065 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)****2022**

| | Nâng cấp tài sản thuê VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận chuyển VND | Đồ đạc và trang bị văn phòng VND | Tổng VND |
|--|--|---------------------------------------|---|---|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.347.351.678 | 39.688.270.879 | 2.265.440.000 | 327.405.769 | 43.628.468.326 |
| Tăng trong năm | - | 5.852.395.200 | - | - | 5.852.395.200 |
| Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang | - | - | - | 126.117.200 | 126.117.200 |
| Thanh lý | (746.169.459) | (2.779.635.445) | - | - | (3.525.804.904) |
| Số dư cuối năm | 601.182.219 | 42.761.030.634 | 2.265.440.000 | 453.522.969 | 46.081.175.822 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.347.351.678 | 23.508.117.474 | 1.439.310.078 | 53.155.408 | 26.347.934.638 |
| Khấu hao trong năm | - | 4.788.715.568 | 546.246.857 | 87.699.709 | 5.422.662.134 |
| Thanh lý | (746.169.459) | (2.779.635.445) | - | - | (3.525.804.904) |
| Số dư cuối năm | 601.182.219 | 25.517.197.597 | 1.985.556.935 | 140.855.117 | 28.244.791.868 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 16.180.153.405 | 826.129.922 | 274.250.361 | 17.280.533.688 |
| Số dư cuối năm | - | 17.243.833.037 | 279.883.065 | 312.667.852 | 17.836.383.954 |

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá là 16.813.082.725 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2022: 15.389.708.973 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

| | 2023 Phần mềm máy vi tính VND | 2022 Phần mềm máy vi tính VND |
|---|--|--|
| Nguyên giá | | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 25.271.616.400 | 22.433.666.400 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 480.000.000 | - |
| Tăng trong năm | 340.000.000 | 2.837.950.000 |
| Số dư cuối năm | 26.091.616.400 | 25.271.616.400 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số dư đầu năm | 13.087.003.384 | 10.021.807.340 |
| Khấu hao trong năm | 3.064.323.572 | 3.065.196.044 |
| Số dư cuối năm | 16.151.326.956 | 13.087.003.384 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số dư đầu năm | 12.184.613.016 | 12.411.859.060 |
| Số dư cuối năm | 9.940.289.444 | 12.184.613.016 |

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 8.596.466.400 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2022: 8.161.659.400 VND).

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.633.369.056 | 3.461.452.486 |
| Tăng trong năm | 5.687.216.288 | 5.097.789.503 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (390.660.160) | (126.117.200) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (5.118.797.232) | (6.547.406.933) |
| Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn | (1.331.127.952) | (252.348.800) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (480.000.000) | - |
| Số dư cuối năm | - | 1.633.369.056 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Ký quỹ, ký cược dài hạn

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi | 5.637.869.733 | 4.624.178.350 |

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

| | Thuế suất | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|---|-----------|-------------------|-------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: | | | |
| Chi phí trích trước | 20% | 426.212.472 | 396.002.889 |
| Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính | 20% | 6.600.398.133 | 3.165.501.699 |
| Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL | 20% | 37.853.642 | 142.779.322 |
| | | 7.064.464.247 | 3.704.283.910 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: | | | |
| Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL | 20% | (473.339.036) | - |
| | | 6.591.125.211 | 3.704.283.910 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần | | 6.591.125.211 | 3.704.283.910 |

18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 14.464.116.068 | 11.964.116.068 |
| Tiền nộp thêm trong năm | 1.884.661.158 | 1.809.659.347 |
| Tiền lãi nhận được trong năm | 615.338.842 | 690.340.653 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 16.964.116.068 | 14.464.116.068 |

19. Tài sản dài hạn khác

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Quỹ bù trừ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh | 10.059.454.943 | 10.039.238.233 |

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (“Quỹ bù trừ”) bằng tiền hoặc chứng khoán. Mức đóng góp ban đầu tối thiểu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Công ty đã trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận Thành viên bù trừ số 04/GCN-UBCK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Biến động tiền gửi tại Quỹ bù trừ trong năm như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 10.039.238.233 | 10.000.000.000 |
| Tiền lãi nhận được trong năm | 20.216.710 | 39.238.233 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 10.059.454.943 | 10.039.238.233 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

20. Vay ngắn hạn

| Diễn giải | Nguyên tệ | Lãi suất định kỳ % | Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2023 VND | Số vay trong năm VND | (Số trả trong năm) VND | Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2023 VND | Số dư cuối năm VND |
|------------------------------|--------------|--------------------------|---|-------------------------|---------------------------|---|-----------------------|
| Khoản vay ngắn hạn từ | | | | | | | |
| ▪ Ngân hàng trong nước | VND | 2,8% - 10,0% | 100.000.000.000 | 6.471.754.124.101 | (6.194.754.124.101) | - | 377.000.000.000 |
| ▪ Ngân hàng nước ngoài | USD | 5,5% - 7,7% | 1.733.020.000.000 | 2.920.540.000.000 | (3.097.685.000.000) | 57.165.000.000 | 1.613.040.000.000 |
| | | | 1.833.020.000.000 | 9.392.294.124.101 | (9.292.439.124.101) | 57.165.000.000 | 1.990.040.000.000 |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền là 105.450.372.851 VND (31/12/2022: 91.000.000.000 VND) (Thuyết minh 5) và các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 564.213.238.356 VND (31/12/2022: 718.313.246.576 VND) (Thuyết minh 7(b)).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 294.490.534.600 | 115.820.407.530 |
| Thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán | 78.743.108.360 | 83.522.322.140 |
| Phải trả thực hiện quyền mua chứng khoán (*) | 6.479.570.000 | - |
| Phải trả khác | 9.408.104.000 | 87.546 |
| | 389.121.316.960 | 199.342.817.216 |

(*) Tại ngày 31/12/2023 và 31/12/2022, số lượng chứng quyền có đảm bảo mà Công ty phát hành như sau:

| | 31/12/2023 | | 31/12/2022 | |
|----------|---------------------|---------------|---------------------|---------------|
| | Được phép phát hành | Đang lưu hành | Được phép phát hành | Đang lưu hành |
| CHPG2314 | 3.000.000 | 1.934.200 | - | - |

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2023 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND | Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2023 VND |
|----------------------------|--|---------------------------------|---|---|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.875.701.514 | 14.535.289.259 | (14.534.752.098) | 3.876.238.675 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 10.232.466.822 | 97.203.493.389 | (100.313.734.387) | 7.122.225.824 |
| Thuế giá trị gia tăng | 20.445.759 | 112.809.097 | (117.426.323) | 15.828.533 |
| Thuế nhà thầu nước ngoài | 1.126.398.046 | 12.485.057.726 | (12.643.449.842) | 968.005.930 |
| | 15.255.012.141 | 124.007.245.731 | (127.279.958.910) | 11.982.298.962 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| | Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2022 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND | Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2022 VND |
|----------------------------|--|--|---|---|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.985.851.287 | 17.129.325.656 | (19.239.475.429) | 3.875.701.514 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 12.483.094.449 | 105.327.038.462 | (107.577.666.089) | 10.232.466.822 |
| Thuế giá trị gia tăng | 3.727.273 | 230.465.287 | (213.746.801) | 20.445.759 |
| Thuế nhà thầu nước ngoài | 28.353.780 | 7.343.112.372 | (6.245.068.106) | 1.126.398.046 |
| | 18.501.026.789 | 130.029.941.777 | (133.275.956.425) | 15.255.012.141 |

23. Chi phí phải trả

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 11.185.869.371 | 10.714.443.941 |
| Chi phí giao dịch chứng khoán | 3.240.189.252 | 3.685.244.296 |
| Chi phí lãi | 5.820.169.366 | 3.065.504.380 |
| Phí tư vấn | 92.803.065 | 143.548.420 |
| Các chi phí khác | 2.972.765.050 | 1.290.579.954 |
| | 23.311.796.104 | 18.899.320.991 |

24. Các khoản phải trả khác

| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Phải trả cổ tức | 1.823.928.393 | 9.414.758.993 |
| Các khoản phải trả cho khách hàng | 9.884.000.000 | 21.174.000 |
| Các khoản phải trả khác | 12.407.236 | 38.520.600 |
| | 11.720.335.629 | 9.474.453.593 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2023 | | 31/12/2022 | |
|--|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 150.009.819 | 1.500.098.190.000 | 150.009.819 | 1.500.098.190.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông | 150.009.819 | 1.500.098.190.000 | 150.009.819 | 1.500.098.190.000 |
| Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông | (490) | (1.185.000) | (490) | (1.185.000) |
| Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông | 150.009.329 | 1.500.097.005.000 | 150.009.329 | 1.500.097.005.000 |

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

| | 2023 | | 2022 | |
|------------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------|--------------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm | 150.009.819 | 1.500.098.190.000 | 140.000.000 | 1.400.000.000.000 |
| Cổ phiếu phát hành trong năm | - | - | 10.009.819 | 100.098.190.000 |
| Số dư cuối năm | 150.009.819 | 1.500.098.190.000 | 150.009.819 | 1.500.098.190.000 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính tại FVTPL

| 2023 | Số lượng | Giá bán trung bình VND | Tiền thu được VND | Giá vốn VND | Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND |
|---|------------|------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------|
| Các TSTC ghi nhận theo FVTPL | | | | | |
| <i>Có phiếu niêm yết và có phiếu đang ký giao dịch trên UPCOM</i> | | | | | |
| STB | 2.474.626 | 28.355 | 70.168.706.700 | 73.361.309.866 | (3.192.603.166) |
| HPG | 1.841.327 | 26.461 | 48.723.664.300 | 48.213.453.160 | 510.211.140 |
| SAB | 38.920 | 97.973 | 3.813.120.000 | 4.352.695.917 | (539.575.917) |
| FPT | 34.653 | 82.812 | 2.869.696.800 | 2.719.242.403 | 150.454.397 |
| GAS | 24.040 | 102.373 | 2.461.045.100 | 2.415.555.913 | 45.489.187 |
| MBB | 105.673 | 19.631 | 2.074.443.650 | 1.937.748.694 | 136.694.956 |
| BVH | 46.953 | 41.717 | 1.958.736.500 | 2.310.531.609 | (351.795.109) |
| HCM | 55.545 | 29.866 | 1.658.905.400 | 1.509.753.851 | 149.151.549 |
| KDH | 50.789 | 31.492 | 1.599.422.400 | 1.600.247.965 | (825.565) |
| VCG | 57.600 | 24.860 | 1.431.955.000 | 1.196.833.681 | 235.121.319 |
| Khác | 406.196 | 29.737 | 12.078.963.350 | 12.370.400.130 | (291.436.780) |
| | 5.136.322 | 28.978 | 148.838.659.200 | 151.987.773.189 | (3.149.113.989) |
| Chứng quyền | | | | | |
| CHPG2303 | 1.781.200 | 2.524 | 4.495.860.000 | 4.867.811.000 | (371.951.000) |
| CHPG2314 | 7.592.600 | 3.546 | 26.922.017.211 | 26.779.793.000 | 142.224.211 |
| CSTB2311 | 6.466.600 | 2.158 | 13.954.862.000 | 9.334.663.500 | 4.620.198.500 |
| | 15.840.400 | 2.864 | 45.372.739.211 | 40.982.267.500 | 4.390.471.711 |
| | 20.976.722 | 9.258 | 194.211.398.411 | 192.970.040.689 | 1.241.357.722 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| 2022 | Số lượng VND | Giá bán trung bình VND | Tiền thu được VND | Giá vốn VND | Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND |
|---|-----------------|------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------|
| Các TSTC ghi nhận theo FVTPL | | | | | |
| Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM | | | | | |
| GAS | 55.800 | 110.645 | 6.173.990.000 | 6.023.568.487 | 150.421.513 |
| PNJ | 47.900 | 110.279 | 5.282.380.000 | 5.127.181.638 | 155.198.362 |
| BVH | 90.600 | 56.374 | 5.107.465.000 | 5.056.712.731 | 50.752.269 |
| FPT | 58.000 | 87.727 | 5.088.160.000 | 4.856.955.764 | 231.204.236 |
| SAB | 25.800 | 178.060 | 4.593.950.000 | 4.362.126.983 | 231.823.017 |
| MBB | 133.500 | 25.644 | 3.423.525.000 | 3.688.576.566 | (265.051.566) |
| HPG | 98.200 | 31.434 | 3.086.865.000 | 3.763.413.663 | (676.548.663) |
| PLX | 56.500 | 45.940 | 2.595.625.000 | 2.844.492.400 | (248.867.400) |
| SSI | 81.300 | 29.769 | 2.420.250.000 | 2.673.571.892 | (253.321.892) |
| VHM | 29.492 | 75.316 | 2.221.207.600 | 2.352.901.318 | (131.693.718) |
| Khác | 845.046 | 41.299 | 34.899.278.200 | 36.488.154.729 | (1.588.876.529) |
| | 1.522.138 | 49.202 | 74.892.695.800 | 77.237.656.171 | (2.344.960.371) |
| Trái phiếu niêm yết | | | | | |
| VHM121024 | 2.741.282 | 100.742 | 276.161.743.802 | 275.890.585.602 | 271.158.200 |
| MSN12003 | 1.450.000 | 103.451 | 150.003.250.000 | 149.928.300.000 | 74.950.000 |
| MML121021 | 1.000.000 | 100.560 | 100.560.000.000 | 100.455.000.000 | 105.000.000 |
| MSN12001 | 500.000 | 101.679 | 50.839.500.000 | 50.789.500.000 | 50.000.000 |
| | 5.691.282 | 101.482 | 577.564.493.802 | 577.063.385.602 | 501.108.200 |
| | 7.213.420 | 90.450 | 652.457.189.602 | 654.301.041.773 | (1.843.852.171) |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

27. Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

| | 2023 VND | 2022 VND |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 73.112.766.792 | 49.989.155.905 |

28. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ | 302.772.368.474 | 276.486.591.233 |
| Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán | 11.502.269.856 | 13.404.219.909 |
| | 314.274.638.330 | 289.890.811.142 |

29. Chi phí môi giới chứng khoán

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lương cho nhân viên | 51.644.510.393 | 49.761.741.333 |
| Hoa hồng cho nhân viên môi giới | 54.464.670.720 | 77.192.408.667 |
| Phí môi giới chứng khoán | 30.942.476.059 | 37.677.570.703 |
| Chi phí thuê | 14.228.900.027 | 10.942.236.853 |
| Chi phí công cụ và dụng cụ | 3.752.495.471 | 1.987.945.676 |
| Khấu hao và phân bổ tài sản cố định | 428.675.381 | 193.922.085 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.937.337.266 | 8.813.883.467 |
| Chi phí khác | 2.465.477.501 | 2.314.961.368 |
| | 168.864.542.818 | 188.884.670.152 |



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí lãi

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|---------------------|---------------------|
| Chi phí lãi vay | 148.176.944.209 | 86.764.840.628 |
| Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán | 948.813.246 | 619.309.225 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 149.125.757.455 | 87.384.149.853 |

31. Chi phí quản lý

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Chi phí lương cho nhân viên | 43.867.319.220 | 38.622.220.009 |
| Khấu hao và phân bổ tài sản cố định | 8.433.358.870 | 8.293.524.391 |
| Chi phí thuê | 7.524.266.211 | 7.039.940.071 |
| Chi phí công cụ và dụng cụ | 7.473.503.813 | 6.021.887.461 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 31.516.121.263 | 31.007.353.723 |
| Chi phí khác | 4.352.192.396 | 5.173.900.412 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 103.166.761.773 | 96.158.826.067 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 14.468.237.096 | 17.129.325.656 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 67.052.163 | - |
| | 14.535.289.259 | 17.129.325.656 |
| Lợi ích thuế hoãn lại (Hoàn nhập)/phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời | (2.886.841.301) | (3.425.653.416) |
| | 11.648.447.958 | 13.703.672.240 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 56.199.240.960 | 73.682.873.799 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 11.239.848.192 | 14.736.574.760 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 406.085.919 | 298.495.158 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (64.538.316) | (68.300.262) |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 67.052.163 | - |
| Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận | - | (1.263.097.416) |
| | 11.648.447.958 | 13.703.672.240 |

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---------------------------|----------------|----------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 44.550.793.002 | 59.979.201.559 |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|-------------|-------------|
| Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm | 150.009.329 | 140.000.000 |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty nắm giữ | - | (490) |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức trong năm | - | 10.009.819 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm | 150.009.329 | 150.009.329 |

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2023 VND | 2022 VND |
|--------------------------|-------------|-------------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 297 | 400 |

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu không được trình bày.

1
CỔ
ĐÔNG
PHỔ
THÔNG
TƯ

2-000
IÁNI
/ TN
AG
CỔ CƯ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|----------------|
| | 2023 VND | 2022 VND |
| Cổ đông | | |
| Phu Hung Far East Holding Corporation | | |
| Cổ tức bằng tiền | 13.800.920.000 | 30.912.000.000 |
| Cổ tức bằng cổ phiếu | - | 46.046.000.000 |
| New Beam International Inc | | |
| Cổ tức bằng tiền | 5.235.349.000 | 11.726.400.000 |
| Cổ tức bằng cổ phiếu | - | 17.467.450.000 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 85.755.017 | 82.516.551 |
| An Thịnh Development Limited | | |
| Cổ tức bằng tiền | 11.305.394.400 | 5.373.441.150 |
| Cổ tức bằng cổ phiếu | - | 11.642.450.000 |
| Bên liên quan khác | | |
| Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái | | |
| Cổ tức bằng tiền | 1.494.683.000 | 3.347.867.040 |
| Cổ tức bằng cổ phiếu | - | 4.986.920.000 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 24.482.909 | 23.558.333 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng | | |
| Cổ tức bằng tiền | 627.369.400 | 1.405.213.920 |
| Cổ tức bằng cổ phiếu | - | 1.342.430.000 |
| Phí bảo hiểm | 84.466.880 | 107.003.951 |
| Phí quản lý số cổ đông | 27.272.727 | 27.272.727 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 10.329.580 | 5.172.045 |
| Freshfields Capital Corporation | | |
| Cổ tức bằng tiền | 258.097.200 | 3.265.920.000 |
| Cổ tức bằng cổ phiếu | - | 4.864.860.000 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 4.227.632 | 18.364.686 |
| Phí giao dịch | - | 180.000.000 |
| Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng | | |
| Phí dịch vụ | 3.581.516.129 | 5.728.064.516 |
| Phí giao dịch | 303.379 | 3.079.980 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng | | |
| Doanh thu dịch vụ lưu ký | 4.297.858 | 4.419.355 |
| Doanh thu quản lý số cổ đông | 45.454.545 | 45.454.545 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

| | Số dư tại ngày | |
|---|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Cổ đông | | |
| An Thinh Development Limited | | |
| Cổ tức bằng tiền phải trả | - | 7.815.914.400 |
| Phải thu phí lưu ký chứng khoán | 3.087.017 | 3.087.017 |
| New Beam International Inc | | |
| Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán | 10.178.971 | - |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái | | |
| Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán | 52.336.500 | 81.942.054 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng | | |
| Phải thu phí lưu ký chứng khoán | 822.961 | 1.889.199 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng | | |
| Phải thu phí lưu ký chứng khoán | 151.573 | - |
| Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán | 6.567.365 | 8.030.362 |
| Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng | | |
| Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán | 1.250 | - |
| Freshfields Capital Corporation | | |
| Phải thu phí lưu ký chứng khoán | 336.817 | 816.659 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

| | 2023 | 2022 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Tổng Giám đốc | | |
| Lương, thưởng và phúc lợi khác | 1.851.993.356 | 1.748.486.687 |
| Người quản lý khác | | |
| Lương, thưởng và phúc lợi khác | 2.555.327.684 | 2.081.920.767 |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Lương, thưởng và phúc lợi khác | 720.000.000 | 720.000.000 |
| Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị | | |
| Ông Albert Kwang-Chin Ting – Chủ tịch | - | 240.000.000 |
| Ông Nguyễn Đoàn Hùng – Thành viên | 240.000.000 | 240.000.000 |
| Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên | 240.000.000 | 240.000.000 |
| Ông Chen Chia Ken – Thành viên | 240.000.000 | 240.000.000 |
| Bà Liu, Hsiu-Mei – Thành viên | 240.000.000 | 240.000.000 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

35. Báo cáo bộ phận

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

| 2023 | Mã số | Môi giới chứng khoán VND | Tự doanh chứng khoán VND | Kinh doanh nguồn vốn VND | Các bộ phận khác VND | Tổng VND |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh | 01 | 151.313.807.371 | 14.328.354.651 | 428.179.369.166 | 5.977.980.992 | 599.799.512.180 |
| 2. Chi phí trực tiếp | 02 | 168.435.867.437 | 12.901.825.970 | 328.718.872.358 | 7.544.995.590 | 517.601.561.355 |
| 3. Chi phí khấu hao và phân bổ | 03 | 428.675.381 | - | 8.433.358.870 | - | 8.862.034.251 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư | 04 | - | 145.893.176 | - | - | 145.893.176 |
| 5. Dự phòng phải thu khó đòi | 05 | - | - | 16.830.664.047 | - | 16.830.664.047 |
| 6. Thu nhập khác – thuần | 06 | - | - | - | 468.124.194 | 468.124.194 |
| 7. Chi phí khác | 07 | - | - | - | 628.242.585 | 628.242.585 |
| Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (08 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05 – 07) | 08 | (17.550.735.447) | 1.280.635.505 | 74.196.473.891 | (1.727.132.989) | 56.199.240.960 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tài sản bộ phận

Nợ phải trả bộ phận

| | | | | |
|-----------------|----------------|-------------------|----------------|-------------------|
| 55.628.313.088 | 90.734.283.749 | 3.892.105.544.586 | 2.270.228.475 | 4.040.738.369.898 |
| 383.915.984.686 | 325.900.048 | 2.026.951.537.636 | 17.552.401.117 | 2.428.745.823.487 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

35. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Mã số | Môi giới chứng khoán VND | Tự doanh chứng khoán VND | Kinh doanh nguồn vốn VND | Các bộ phận khác VND | Tổng VND |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| 2022 | | | | | | |
| 1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh | 01 | 188.890.505.249 | 1.933.611.365 | 398.346.924.131 | 4.677.731.075 | 593.848.771.820 |
| 2. Chi phí trực tiếp | 02 | 173.739.456.698 | 8.154.635.975 | 310.684.808.617 | 12.444.050.688 | 505.022.951.978 |
| 3. Chi phí khấu hao và phân bổ | 03 | 170.776.417 | 411.702 | 8.316.670.059 | - | 8.487.858.178 |
| 4. Dự phòng phải thu khó đòi | 04 | - | - | 7.462.021.413 | - | 7.462.021.413 |
| 5. Thu nhập khác – thuần | 05 | - | - | - | 806.933.548 | 806.933.548 |
| Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (06 = 01 + 05 – 02 – 03 – 04) | 06 | 14.980.272.134 | (6.221.436.312) | 71.883.424.042 | (6.959.386.065) | 73.682.873.799 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tài sản bộ phận

Nợ phải trả bộ phận

| | | | | |
|-----------------|---------------|-------------------|---------------|-------------------|
| 42.832.382.223 | 7.214.990.990 | 3.624.740.543.554 | 1.435.623.428 | 3.676.223.540.195 |
| 217.676.777.763 | 436.878.653 | 1.859.850.287.261 | 815.977.309 | 2.078.779.920.986 |

(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (tức là một bộ phận đơn lẻ).



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

36. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 26.763.954.317 | 19.341.504.234 |
| Từ hai đến năm năm | 38.159.173.523 | 39.914.574.630 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 64.923.127.840 | 59.256.078.864 |

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

TỜ TRÌNH

Báo Cáo của Hội Đồng Quản Trị kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng nhiệm kỳ 2022 – 2025 có 05 thành viên:

| | |
|----------------------------|-------------------------|
| Ông Albert Kwang-Chin Ting | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Nguyễn Đoàn Hùng | Thành viên HĐQT |
| Ông Wu, Jin - Jeng | Thành viên HĐQT |
| Ông Chen Chia Ken | Thành viên HĐQT |
| Bà Liu, Hsiu - Mei | Thành viên Độc lập HĐQT |

2. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết và công tác giám sát của HĐQT năm 2023

HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) hiện có năm (05) người gồm một (01) Chủ tịch và bốn (04) thành viên. HĐQT được ủy quyền thực hiện tất cả các nhiệm vụ và quyết định liên quan đến Công ty, ngoại trừ các quyền dành cho Đại hội đồng cổ đông. Các hoạt động của HĐQT được quy định theo Điều 33 của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2023, HĐQT tổ chức 08 cuộc họp, mục đích để Quyết định các hoạt động kinh doanh cho từng thời kỳ phù hợp với mục tiêu phát triển chung của công ty, các công việc cụ thể như sau:

- Xem xét và phê duyệt báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động môi giới, các kế hoạch hoạt động, kinh doanh hàng tháng;
- Thông qua Chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (Đại hội) ngày 20/04/2023;
- Thông qua Báo Cáo Tài Chính Kiểm Toán Năm 2022;
- Thông qua Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2022;
- Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022;
- Thông qua Báo cáo Quản trị Công ty năm 2022;
- Thông qua Báo Cáo Cập Nhật Vốn Điều Lệ Vào Điều Lệ Công Ty Ngày 24/10/2022;
- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;
- Thông qua Phương Án Xử Lý Quý Dự Phòng Tài Chính Và Rủi Ro Nghiệp Vụ;
- Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty năm 2023;
- Thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2023;
- Thông qua Giấy Ủy quyền cho Ông Chen Chia Ken – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc làm Chủ tọa Đại hội và ký những văn bản liên quan đến Đại hội ngày 20/04/2023;
- Thông qua Việc sửa đổi Chính sách Quản lý Rủi ro;
- Thông qua Việc chuyển và thay đổi địa chỉ Chi nhánh Quận 3 đăng ký với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Thông qua việc bãi nhiệm ông Li Hsin Hsien – Phó Tổng Giám đốc;
- Ngoài ra, HĐQT thường xuyên cập nhật, giám sát hoạt động kinh doanh hàng tháng của Công ty và kịp thời đưa ra các chỉ đạo phù hợp tình hình thực tế.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG NĂM 2023

1. Kết quả hoạt động

Ngày 27/02/2023, PHS niêm yết chứng quyền có bảo đảm đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ngày 29/05/2023, Công ty nhận Quyết định số 389/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận sửa đổi Quyết định thành lập chi nhánh Quận 3.

Ngày 05/12/2023, Công ty nhận Quyết định số 114/QĐ-SGDVN của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, chấp thuận thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

HĐQT đã thực hiện việc bổ sung sửa đổi các điều trên vào Điều lệ Công ty theo Nghị Quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ do Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 20/04/2023.

HĐQT báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2024 để nắm rõ kết quả hoạt động.

2. Kết quả kinh doanh

Số liệu kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | 2023 |
|----------------------|-------------------|
| Tổng tài sản | 4.040.738.369.898 |
| Tổng nợ phải trả | 2.428.745.823.487 |
| Vốn chủ sở hữu | 1.611.992.546.411 |
| Doanh thu | 599.799.512.180 |
| Kết quả hoạt động | 56.359.359.351 |
| Lợi nhuận trước thuế | 56.199.240.960 |
| Lợi nhuận sau thuế | 44.550.793.002 |

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

| Chỉ tiêu | 2023 |
|--|--------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | |
| Chỉ số thanh toán hiện hành | 1,63 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | |
| Nợ phải trả / Tổng tài sản | 0,60 |
| Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu | 1,51 |
| 3. Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động | |
| Vòng quay tổng tài sản | 0,16 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | |
| Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) | 0,01 |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) | 0,03 |
| 5. Chỉ tiêu về giá cổ phiếu (VNĐ) | |
| Thu nhập trên mỗi cổ phiếu – cơ bản (EPS) | 297 |
| Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BPS) | 10.746 |

Kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty chịu ảnh hưởng đồng thời từ các yếu tố tích cực và tiêu cực của thị trường trong nước và quốc tế. Doanh thu của Công ty đã có nhiều khởi sắc trong năm vừa qua. Tổng Doanh thu cả năm đạt hơn 599,8 tỷ đồng, tăng

gần 1% so với năm trước đó, đạt 76% kế hoạch năm do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Năm 2023, Công ty đã thu về lợi nhuận sau thuế, đạt 44,6 tỷ đồng. Công ty sẽ tiếp tục hướng đến các kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng TGD và Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Do ảnh hưởng của thị trường tài chính trong và ngoài nước, kết quả doanh thu của PHS năm 2023 tăng 1% so với năm 2022, trong khi lợi nhuận trước thuế giảm 23,7%. Công ty luôn nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong Đại hội cổ đông thường niên.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông.

IV. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đạt được mục tiêu năm 2024, các giải pháp cho từng mảng kinh doanh đã được xác lập cụ thể dựa trên tầm nhìn chiến lược dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững cho PHS của Hội đồng quản trị: dịch vụ, sáng tạo và sản phẩm. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động. Cụ thể:

- a) Nâng cao chất lượng dịch vụ - PHS không ngừng nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự thông qua các chương trình đào tạo để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ đáng tin cậy và an toàn luôn được ưu tiên hàng đầu, đồng thời xây dựng uy tín bền vững với khách hàng. PHS đã và đang tiếp tục đẩy mạnh việc tăng cường hỗ trợ khách hàng, giải quyết kịp thời các vấn đề mà khách hàng gặp phải thông qua Trung tâm Chăm sóc Khách hàng và triển khai hệ thống CRM. Trong thời gian tới, PHS dự kiến áp dụng mô hình SLA vào dịch vụ để nâng cao chất lượng cũng như cam kết dịch vụ của công ty đối với từng khách hàng. Công ty cũng đang tăng cường nghiên cứu thị trường để cung cấp các sản phẩm đa dạng phù hợp với nhu cầu của khách

hàng. Đồng thời, PHS sẽ tăng cường các hoạt động quảng bá và giới thiệu sản phẩm, hình ảnh của mình thông qua việc tổ chức các hội thảo khách hàng định kỳ, đảm bảo truyền tải thông tin phù hợp với yêu cầu của khách hàng.

- b) PHS Mobile App mới – PHS hiểu rằng công nghệ trong một công ty thương mại không còn đóng vai trò bổ sung mà là yếu tố thiết yếu cho sự thành công then chốt. Điều này không chỉ liên quan đến việc đáp ứng nhu cầu thường xuyên về áp dụng công nghệ để ổn định môi trường và cải thiện hiệu suất mà còn tập trung vào cách rút ngắn thời gian giao dịch. Các nền tảng giao dịch trực tuyến đang được cải tiến để phù hợp nhất với yêu cầu của nhà giao dịch, từ thông thường đến chuyên nghiệp. Hướng tới năm 2024, PHS sẽ triển khai các dịch vụ trực tuyến trên Ứng dụng PHS Mobile mới để thích ứng với những thay đổi trong tương lai, phục vụ nhu cầu cụ thể của khách hàng mục tiêu, đặc biệt là Gen Z.
- c) Nâng cấp sản phẩm hiện tại và phát triển sản phẩm mới - PHS liên tục tiến hành việc nghiên cứu, phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ hàng đầu, mở rộng các tiện ích hỗ trợ và công cụ truyền thông đa dạng đối với sản phẩm hiện có. Và PHS luôn đáp ứng các yêu cầu về mặt nhân sự và cơ sở hạ tầng để nâng cấp hệ thống và các dịch vụ liên quan, tuân thủ yêu cầu kết nối hệ thống KRX và đảm bảo trải nghiệm tốt nhất có thể cho khách hàng.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING



TỜ TRÌNH

Báo cáo của Ban Kiểm Soát về tình hình hoạt động Công ty năm 2023

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán KPMG;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty năm 2023;
- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;

Thay mặt cho Ban Kiểm soát Công ty, tôi kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thẩm định tình hình hoạt động của Công ty năm 2023 như sau:

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Ban Kiểm soát xác nhận số liệu về tình hình tài chính của Công ty trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ QUY ĐỊNH CÔNG TY

Công ty tuân thủ đúng với những quy định trong Luật Chứng khoán và những quy định khác của Nhà nước, cụ thể là:

- Về tỷ lệ an toàn tài chính: Công ty thực hiện và gửi báo cáo về Tỷ lệ An toàn Tài chính định kỳ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13/11/2020 và Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2020.
- Về hạn mức đầu tư: đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 28 trong Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2020.
- Về công bố thông tin: đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020.

- d. Những quy định khác như Quy chế giao dịch đối với thành viên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, cũng như quy định đối với tổ chức niêm yết và quy định về thuế và sử dụng lao động cũng được tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ.

3. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- a. Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và nhìn chung, hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở mang lại lợi ích cho Công ty.
- b. Trong năm tài chính 2023, Công ty đã nghiêm túc chấp hành và tuân thủ quy định của pháp luật và không có khiếu nại của cổ đông đối với hoạt động của Công ty.
- c. Công ty đã hoàn chỉnh công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro để tất cả các Chi nhánh/Phòng giao dịch trực thuộc Công ty luôn đi vào nề nếp với một phương hướng đúng đắn và đảm bảo Công ty phát triển bền vững lâu dài.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Số.: 03/2024/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng

Đính kèm:

Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ALBERT KWANG-CHIN TING

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2023/BC-PHS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2023

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM;
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI;
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (PHS)
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 54135479
- Fax: (84-28) 54135472
- Vốn điều lệ: 1.500.098.190.000 VNĐ
- Mã chứng khoán: PHS
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (Đã thực hiện/ Chưa thực hiện): Đã thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng Cổ đông.

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------|------------|--|
| 1. | 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ | 20/04/2023 | <ol style="list-style-type: none">1. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022;3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022;4. Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2022;5. Thông qua Báo cáo cập nhật thông tin về vốn điều lệ tại Điều lệ Công ty năm 2022;6. Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2023;7. Thông qua Dự toán ngân sách năm 2023;8. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023;9. Thông qua Phương án xử lý Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc có liên quan;10. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông;11. Thông qua việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. |

II. Hội đồng Quản trị (Năm 2023):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT):

| STT | Thành viên HDQT | Chức vụ (thành viên HDQT độc lập, TV HDQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/ HDQT độc lập | |
|-----|----------------------------|--|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1. | Ông Albert Kwang-Chin Ting | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 06/04/2016 | - |
| 2. | Ông Nguyễn Doan Hùng | Thành viên | 06/04/2016 | - |
| 3. | Ông Wu, Jin-Jeng | Thành viên | 06/04/2016 | - |
| 4. | Ông Chen Chia Ken | Thành viên | 06/04/2016 | - |
| 5. | Bà Liu, Hsiu-Mei | Thành viên độc lập | 17/04/2019 | - |

2. Các cuộc họp HDQT:

| STT | Thành viên HDQT | Số buổi họp HDQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1. | Ông Albert Kwang-Chin Ting | 08 | 100% | - |
| 2. | Ông Nguyễn Doan Hùng | 08 | 100% | - |
| 3. | Ông Wu, Jin-Jeng | 08 | 100% | - |
| 4. | Ông Chen Chia Ken | 08 | 100% | - |
| 5. | Bà Liu, Hsiu-Mei | 08 | 100% | - |

3. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng những nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao trên tinh thần tuân thủ pháp luật và những quy định nội bộ của PHS. Những hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc được thể hiện thông qua các báo cáo hàng tháng của Ban Tổng Giám đốc và được thể hiện trong các Biên bản họp của Hội đồng Quản trị.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có):

PHS không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị nên không có hoạt động nào để báo cáo.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị (Năm 2023):

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------|------------|---|-----------------|
| 1. | 01/75_0123/NQ-HĐQT | 17/01/2023 | <ol style="list-style-type: none">Thông qua Dự phòng nợ phải thu (kỳ quỹ) tại ngày 31/12/2022;Thông qua Dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/12/2022;Thông qua Chính sách Quản lý rủi ro năm 2023Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng SinoPac – Chi nhánh Hồ Chí Minh;Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng TNHH Indovina – Trung tâm Kinh doanh. | 100% |
| 2. | 01/76_0223/NQ-HĐQT | 02/03/2023 | <ol style="list-style-type: none">Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên;Thông qua Việc chuyển và thay đổi địa chỉ Chi nhánh Quận 3 đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;Thông qua Việc gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Sinopac (OBU);Thông qua Việc gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Quốc tế Taishin;Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng Thấu chi với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. | 100% |

| | | | | | |
|----|--------------------|--------------------|---|--|------|
| | 3. | 01/77_0323/NQ-HĐQT | 27/03/2023 | <p>1. Thông qua Chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (Đại hội) ngày 20/04/2023;</p> <p>2. Thông qua Báo cáo tài chính Kiểm toán Năm 2022;</p> <p>3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh Năm 2022;</p> <p>4. Thông qua Báo cáo Quản trị Công ty Năm 2022;</p> <p>5. Thông qua Báo cáo cập nhật vốn Điều lệ vào Điều lệ Công ty ngày 24/10/2022;</p> <p>6. Thông qua Kế hoạch phát triển Và Kinh doanh công ty trong Năm 2023;</p> <p>7. Thông qua Dự toán ngân sách tài chính Năm 2023;</p> <p>8. Thông qua Phương án xử lý quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;</p> <p>9. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;</p> <p>10. Thông qua việc Sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>11. Thông qua Giấy Ủy quyền cho Ông Chen Chia Ken – Thành Viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc làm Chủ tọa Đại hội và Ký những văn bản liên quan đến Đại hội ngày 20/04/2023;</p> <p>12. Thông qua Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2022;</p> <p>13. Thông qua việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun.</p> | 100% |
| 4. | 01/78_0423/NQ-HĐQT | 31/05/2023 | <p>1. Thông qua thủ lao dành cho từng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023;</p> | 100% | |

| | | | | |
|----|--------------------|------------|--|------|
| | | | <p>2. Thông qua việc chuyển Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ vào lợi nhuận chưa phân phối;</p> <p>3. Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2022;</p> <p>4. Thông qua điều kiện cung cấp Chứng quyền có bảo đảm lần ba;</p> <p>5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Chang Hwa, chi nhánh HSI-Sung;</p> <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng KGI;</p> <p>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Phương Đông, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</p> <p>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức thấu chi với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>9. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.</p> | |
| 5. | 01/79_0523/NQ-HDQT | 26/06/2023 | <p>1. Thông qua điều kiện cung cấp Chứng quyền có bảo đảm lần bốn;</p> <p>2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Panhsin;</p> <p>3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United – OBU;</p> <p>4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Hong Kong;</p> | 100% |

| | | | | |
|----|--------------------|------------|---|------|
| | | | <p>5. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>7. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Hua Nan – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Đồng Nai.</p> | |
| 6. | 01/80_0623/NQ-HDQT | 30/08/2023 | <p>1. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (kỳ quỹ) tại ngày 30/06/2023;</p> <p>2. Thông qua Dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/06/2023;</p> <p>3. Thông qua việc sửa đổi Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/78_0423/NQ-HDQT ngày 31/05/2023;</p> <p>4. Thông qua Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng;</p> <p>5. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC;</p> <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun, chi nhánh Đồng Nai;</p> <p>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;</p> | 100% |

| | | | | |
|----|--------------------|------------|--|------|
| | | | <p>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – chi nhánh Offshore;</p> <p>9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương Mại Taipei Fubon, chi nhánh Offshore;</p> <p>10. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Quốc tế Mega, Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;</p> <p>11. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Quốc tế Mega – OBU;</p> <p>12. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương – Hội sở;</p> <p>13. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nam Sài Gòn;</p> <p>14. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.</p> | |
| 7. | 01/81_0723/NQ-HDQT | 23/10/2023 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 30/09/2023; 2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đổi với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/09/2023; 3. Thông qua việc bãi nhiệm ông Li Hsin Hsien – Phó Tổng Giám đốc; 4. Thông qua việc đầu tư vào chứng chỉ quỹ; 5. Thông qua hạn mức rủi ro trước thanh toán với Ngân hàng Cathay United – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; | 100% |

| | | | | |
|----|--------------------|------------|--|------|
| | | | <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại EnTie – chi nhánh Offshore;</p> <p>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Union Bank of Taiwan;</p> <p>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Hợp Tác Đại Loan – chi nhánh Offshore.</p> | |
| 8. | 01/82_0823/NQ-HDQT | 27/12/2023 | <p>1. Thông qua Ngân sách của công ty năm 2024;</p> <p>2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024;</p> <p>3. Thông qua việc sửa đổi Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/80_0623/NQ-HDQT ngày 30/08/2023;</p> <p>4. Thông qua việc gia hạn hạn mức thấu chi với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;</p> <p>5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac – OBU;</p> <p>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Yuanta – chi nhánh Offshore;</p> <p>8. Thông qua việc tăng hạn mức rủi ro trước thanh toán với Ngân hàng Cathay United – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.</p> | 100% |

III. Ban Kiểm soát (Năm 2023):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|---------------------|----------------------|--|-----------------------------|
| 1. | Ông Liew Sep Siang | Trưởng Ban Kiểm soát | Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2019 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |
| 2. | Ông Chiu Hsien Chih | Thành viên | Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 06/04/2016 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |
| 3. | Bà Kuo, Ping-Min | Thành viên | Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 31/03/2022 | Cử nhân Thương mại |

2. Cuộc họp của BKS:

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1. | Ông Liew Sep Siang | 02 | 100% | 100% | - |
| 2. | Ông Chiu Hsien Chih | 02 | 100% | 100% | - |
| 3. | Bà Kuo, Ping-Min | 02 | 100% | 100% | - |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS. Hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị công ty của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như hoạt động của các phòng ban của PHS.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các khối, phòng ban để quá trình quản lý và các hoạt động kinh doanh diễn ra thuận lợi, có hiệu quả đồng thời tuân thủ pháp luật và những quy định nội bộ của PHS.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có):

Không còn hoạt động nào khác của Ban Kiểm soát để báo cáo.

IV. Ban Tổng Giám đốc

| STT | Thành viên Ban Tổng Giám đốc | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc |
|-----|------------------------------|---------------------|-----------------------------|--|
| 1. | Ông Chen Chia Ken | 14/10/1971 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Ngày bổ nhiệm: 06/04/2016 |
| 2. | Bà Phạm Thị Thu Nhân | 13/06/1984 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Ngày bổ nhiệm: 06/04/2016 |
| 3. | Ông Li, Hsin – Hsien | 07/03/1972 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Ngày bổ nhiệm: 08/04/2022 Ngày miễn nhiệm: 26/10/2023 |

V. Kế toán trưởng

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Bà Đỗ Thị Ái Vy | 16/09/1986 | Cử nhân | Ngày bổ nhiệm: 07/12/2018 |

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty luôn cập nhật đầy đủ các vấn đề đào tạo về quản trị Công ty.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2023) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty.

1. Danh sách về người có liên quan của công ty:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|----------------------------|--|--|---------------------------------|---------------------------------------|---|---|-------|-----------------------------------|
| 1. | Ông Albert Kwang-Chin Ting | | Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị | | | 06/04/2016 | - | - | Người nội bộ |
| 2. | Ông Nguyễn Đoàn Hùng | - | Thành viên Hội Đồng Quản Trị | | | 06/04/2016 | - | - | Người nội bộ |
| 3. | Ông Wu, Jin-Jeng | | Thành viên Hội Đồng Quản Trị | | | 06/04/2016 | - | - | Người nội bộ |
| 4. | Ông Chen Chia Ken | | Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc kiêm Người đại | | | 06/04/2016 | - | - | Người nội bộ |

| | | | | | | | | |
|-----|----------------------|---|-----------------------------|--------------------------------------|------------|---|--------------|--------------|
| 5. | Bà Liu, Hsiu-Mei | - | diện theo pháp luật thứ hai | Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị | 17/04/2019 | - | - | Người nội bộ |
| 6. | Ông Liew Sep Siang | | Trưởng Ban Kiểm soát | 17/04/2019 | - | - | Người nội bộ | |
| 7. | Ông Chiu Hsien Chih | | Thành viên Ban Kiểm Soát | 06/04/2016 | - | - | Người nội bộ | |
| 8. | Bà Kuo, Ping-Min | | Thành viên Ban Kiểm soát | 31/03/2022 | - | - | Người nội bộ | |
| 9. | Bà Phạm Thị Thu Nhân | | Phó Tổng Giám Đốc | 06/04/2016 | - | - | Người nội bộ | |
| 10. | Ông Li, Hsin - Hsien | | Phó Tổng Giám Đốc | 08/04/2022 | 26/10/2023 | - | Người nội bộ | |

| | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|--|--|--|--|------------|---|---|--------------|
| 11. | Bà Đỗ Thị Ái Vy | | Kế toán trưởng | | | 07/12/2018 | - | - | Người nội bộ |
| 12. | Bà Chiêu Nhà Thy | | Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty | | | 07/05/2021 | - | - | Người nội bộ |
| 13. | Bà Nguyễn Thị Thu Anh | | Giám sát khối Quản lý rủi ro | | | 21/05/2022 | - | - | Người nội bộ |
| 14. | Bà Bạch Thị Phương Thảo | | Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ | | | 15/07/2022 | - | - | Người nội bộ |
| 15. | Ông Huang Kai Sheng | | Phó Giám đốc Khối Tài chính | | | 15/07/2022 | - | - | Người nội bộ |
| 16. | Phu Hung Far East Holding Corporation | | - | | Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, | - | - | - | Cổ đông lớn |

| | | | | | | | | | | | | | |
|-----|------------------------------|---|---|--|---|---|-------------|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | |
| 17. | An Thinh Development Limited | - | 1873621 – 12/05/2015 – British Virgin Islands | Tortola, British Virgin Islands Coastal Building, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, British Virgin Islands | - | - | Cổ đông lớn | | | | | | |
| 18. | New Beam International INC | - | 1909904 – 24/03/2016 – British Virgin Islands | Ground Floor, Coastal Building Wickhams Cay II, P O Box 3169, Road Town, Tortola, British Virgin Islands | - | - | Cổ đông lớn | | | | | | |

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ của ĐHDCB/ HDQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|---------------------------------------|---|--|--|--|--|---------|
| 1 | Công ty Cổ phần Quản lý Quý Phú Hưng | Tổ chức có liên quan của người nội bộ | 24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh | Từ ngày 17/07/2023 đến ngày 16/07/2024 | 03/80_0623/ NQ-HDQT ngày 30/08/2023 | 188.500.000 VND/ tháng | - |

| | | | | | | | | |
|---|--------------------------------------|---------------------------------------|---|---|--|---|-----------------------|---|
| 2 | Công ty Cổ phần Quản lý Quý Phú Hưng | Tổ chức có liên quan của người nội bộ | 24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh | Từ ngày 16/11/2023 đến ngày 14/12/2023 | 03/81_0723/ NQ-HĐQT ngày 26/10/2023 | 48.211.089.800 VND | - |
|---|--------------------------------------|---------------------------------------|---|---|--|---|-----------------------|---|

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, năm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|--------------------------------------|---------------------|--|---------|
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2023).

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của công ty.

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|--|------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1. | Ông Albert Kwang-Chin Ting | | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | | | - | - | - |
| 1.1 | Cha: Lawrence S. Ting | - | Đã mất | - | | - | - | - |
| 1.2 | Mẹ: Sylvia Tsong-Ching Fei Ting | - | - | | | - | - | - |
| 1.3 | Vợ: Wong, I-Ting | - | - | | | - | - | - |
| 1.4 | Chị: Iris Ting | - | - | | | - | - | - |
| 1.5 | Chị: Joyce Ting | - | - | | | - | - | - |

| | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|--|--|---|---|---|------------|--------|--|--|--|--|--|
| 1.6 | Em: Arthur Ting | | | | | | | | | | | | |
| 1.7 | Phu Hung Far East Holding Corporation | | | Ông Albert Kwang-Chin Ting là thành viên HĐQT | 1705717 – 04/04/2012 British Virgin Islands | Portcullis Trustnet (BV) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands | 69.004.000 | 46,00% | | | | | |
| 1.8 | Freshfields Capital Corporation | | | Ông Albert Kwang-Chin Ting là chủ tịch HĐQT | 80690793-31/03/2004-Đài Loan | 18F., No.4, Sec. 1, Zhongxiao W. Rd., Zhongzheng Dist., Taipei City 100, Taiwan (R.O.C.) | 1.290.486 | 0,86% | | | | | |
| 1.9 | Công ty Cổ phần Quản lý Quý Phú Hưng | | | Ông Albert Kwang-Chin Ting là chủ tịch HĐQT | 24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh | | | | | | | |
| 2. | Ông Nguyễn Đoàn Hùng | | | Thành viên Hội đồng Quản trị | | | | | | | | | |
| 2.1 | Cha: Nguyễn Văn Trần | | | Đã mất | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|------|--------------------------------|---|---|---|--|--|---------|-------|
| 2.2 | Mẹ: Phạm Thị Bắc | - | - | Nghỉ hưu | | | - | - |
| 2.3 | Con gái: Nguyễn Phương Anh | - | - | - | | | - | - |
| 2.4 | Con trai: Nguyễn Hưng Nam | - | - | - | | | - | - |
| 2.5 | Chị gái: Nguyễn Nhị Hà | - | - | - | | | - | - |
| 2.6 | Chị gái: Nguyễn Thái Bình | - | - | - | | | - | - |
| 2.7 | Chị gái: Nguyễn Hồng Nga | - | - | - | | | - | - |
| 2.8 | Chị gái: Nguyễn Hồng Việt | - | - | - | | | - | - |
| 2.9 | Em trai: Nguyễn Hùng Mạnh | - | - | - | | | 258.177 | 0,17% |
| 2.10 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan | - | - | Ông Nguyễn Đoàn Hùng là thành viên HĐQT | 0303576603-01/11/2004 Sở kế hoạch và đầu tư | P. 802, Lầu 8, Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM | - | - |
| 3. | Ông Wu, Jinjeng | | | Thành viên Hội | | | - | - |

| | | | | | | | | | |
|-----|--------------------------------------|---|--|--|---|--|-----------|-------|---|
| 3.1 | Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Vũ Thái | | | Ông Wu, Jin-Jeng là Thành viên HĐQT | 0102340904 - 13/09/2017 – Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tầng 14, Tòa nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 7.473.415 | 4,98% | - |
| 3.2 | Công ty Cổ phần Quản lý Quý Phú Hưng | | | Ông Wu, Jin-Jeng là Thành viên HĐQT | 24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM | - | - | - |
| 4. | Ông Chen Chia Ken | | | Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật thứ hai | | | - | - | - |
| 4.1 | Cha: Chen Yi Fan | - | | Đã mất | - | | - | - | - |
| 4.2 | Mẹ: Tsai Pi Chin | - | | - | | | - | - | - |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--------------------------|---|---|---|--------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4.3 | Vợ: Wang Tzu | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 4.4 | Con: Chen Hsiu Te | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 4.5 | Con: Chen Hsiu Yi | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 5. | Bà Liu, Hsiu-Mei | - | - | - | Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 5.1 | Cha: Liu, Guo-Cheng | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 5.2 | Mẹ: Chen, Yue-E | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 5.3 | Chồng: Chiu, Yi-Hung | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 5.4 | Con gái: Chiu, Chen-Yu | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 5.5 | Con trai: Chiu, Chen-Kai | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 5.6 | Con trai: Chiu, Chen En | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

| 6. | Ông Liew Sep Siang | | Trưởng Ban Kiểm Soát | | | | | | |
|-----|--------------------------------------|---|--|---|---|-----------|-------|--|---|
| 6.1 | Cha: Liew Ee Khong | - | - | | | | | | - |
| 6.2 | Mẹ: Lee Yeak Leak | - | - | | | | | | - |
| 6.3 | Anh: Liew Sep Leng | - | - | | | | | | - |
| 6.4 | Chị: Liew Chin Hui | - | - | | | | | | - |
| 6.5 | Anh: Liew Sep Yong | - | - | | | | | | - |
| 6.6 | Vợ: Chu Zi Yan | - | - | | | | | | - |
| 6.7 | Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng | | Ông Liew Sep Siang là Phó TGD | 41/GP-KDBH 12/12/2006 Bộ Tài chính | Tầng 4, CR3-04A, 109 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM | 3.136.847 | 2,09% | | |
| 6.8 | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng | | Ông Liew Sep Siang là Trưởng Ban kiểm soát | 24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM | - | - | | |

| | | | | | | | | | | |
|-----|----------------------|---|--|--------------------------|--|--|--|--|--|--|
| 7. | Ông Chiu Hsien Chih | | | Thành viên Ban kiểm soát | | | | | | |
| 7.1 | Cha: Chiu Chuei Chun | - | | Đã mất | | | | | | |
| 7.2 | Mẹ: Syu Yue Ye | - | | Đã mất | | | | | | |
| 7.3 | Vợ: Lin Ching Yi | - | | - | | | | | | |
| 7.4 | Chị: Chiu Li Chiu | - | | - | | | | | | |
| 7.5 | Chị: Chiu Li Ying | - | | - | | | | | | |
| 7.6 | Chị: Chiu, Hsueh-O | - | | - | | | | | | |
| 8. | Bà Kuo, Ping-Min | | | Thành viên Ban Kiểm soát | | | | | | |
| 8.1 | Mẹ: Ding Zhi Fang | - | | - | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|-----|--------------------------------------|---|---------------------------------------|---|---|---|---|---|
| 8.2 | Công ty Cổ phần Quản lý Quý Phú Hưng | | Bà Kuo, Ping-Min là Phó Tổng Giám đốc | Taiwan 24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM | - | - | - |
| 9. | Bà Phạm Thị Thu Nhân | | Phó Tổng Giám đốc | | | - | - | - |
| 9.1 | Cha: Phạm Ngọc Hồ | - | - | | | - | - | - |
| 9.2 | Mẹ: Phạm Thị Hơ | - | - | | | - | - | - |
| 9.3 | Con: Nguyễn Phạm An Nhiên | - | - | Còn nhỏ | | - | - | - |
| 9.4 | Em: Phạm Ngọc Tinh | | - | | | - | - | - |
| 9.5 | Em: Phạm Thị Cẩm Xuyên | | - | | | - | - | - |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|-------------------------|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 10. | Ông Li, Hsin – Hsien | | | | | | | | | | | | | | |
| 10.1 | Cha: Li Bing- Rong | - | | | | | | | | | | | | | |
| 10.2 | Mẹ: Wu Shou-Mei | - | | | | | | | | | | | | | |
| 10.3 | Con: Li Ting- Yi | - | | | | | | | | | | | | | |
| 10.4 | Con: Li Su- Ying | - | | | | | | | | | | | | | |
| 11. | Bà Đỗ Thị Ái Vy | | | | | | | | | | | | | | |
| 11.1 | Cha: Đỗ Gia Văn | - | | | | | | | | | | | | | |
| 11.2 | Mẹ: Nguyễn Thị Tuyết | - | | | | | | | | | | | | | |
| 11.3 | Chồng: Phạm Đức Vũ | - | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|------|---------------------|---|---|---------|--|---|---|---|---|---|---|---|
| 11.4 | Con: Phạm Gia Khiêm | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 11.5 | Con: Phạm Bảo Châu | - | - | Còn nhỏ | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 11.6 | Chị: Đỗ Thị Ly Ly | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 11.7 | Em: Đỗ Thị Uyên My | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 11.8 | Em: Đỗ Gia Bảo | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 12. | Bà Chiêu Nhã Thy | - | - | - | Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty | - | - | - | - | - | - | - |

| | | | | | | | | | | | | |
|------|------------------------|---|---|---|---|---|-------------------------------|-----|------------|---|---|---|
| 12.1 | Bố: Chiêu Đức Nghĩa | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 12.2 | Mẹ: Lương Ngọc Mai | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 12.3 | Em trai: Chiêu Đức Tâm | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 12.4 | Em gái: Chiêu Bội Thy | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 13. | Bà Nguyễn Thị Thu Anh | - | - | - | - | - | Phó phòng Khỏi Quản lý rủi ro | 107 | 0,0000071% | - | - | - |
| 13.1 | Cha: Nguyễn Ngọc Dũng | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 13.2 | Mẹ: Hồ Thị Thu Vân | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

| | | | | | | | | | |
|------|-----------------------------------|--------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|
| 13.3 | Anh trai: Nguyễn Ngọc Anh | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 13.4 | Em trai: Nguyễn Tuấn Anh | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 14. | Bà Bạch Thị Phương Thảo | Trưởng Ban Kiểm toán nội nộ | - | - | - | - | - | - | - |
| 14.1 | Bố ruột: Bach Quang Vinh | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 14.2 | Mẹ ruột: Đinh Thị Ngọc Hạnh | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 14.6 | Em: Bạch Chí Cường | - | - | - | - | - | - | - | - |

| | | | | | | | | | | | | |
|------|---------------------------|---|---|-----------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14.8 | Con: Nguyễn Phúc Hoàng | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 15. | Ông Huang Kai Sheng | - | - | Phó Giám đốc Khỏi Tài chính | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 15.1 | Cha: Huang, Jeng-Her | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 15.2 | Mẹ: Wu, Chen-Chen | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 15.3 | Vợ: Chiang, Chu-Yun | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 15.4 | Con: Huang, Ping-Chieh | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty.

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| - | - | - | - | - | - | - | - |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Ban thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



(Handwritten signature)

ALBERT KWANG - CHIN TING

TỜ TRÌNH

V/v: Định hướng phát triển Công ty trong năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Kế hoạch phát triển Công ty năm 2024 như sau:

Kế hoạch phát triển của Công ty năm 2024 sẽ ưu tiên phát triển theo hướng bền vững với việc cân bằng hợp lý giữa lợi nhuận và rủi ro.

1. Môi giới

Năm 2023 chứng kiến sự biến động đặc biệt trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tạo nên một hành trình đầy cảm xúc cho những nhà đầu tư. Trải qua những thách thức trong quý cuối năm 2022, tâm lý nhà đầu tư có vẻ ổn định hơn, mặc dù vẫn tồn tại sự hoài nghi đối với triển vọng tương lai trong những tháng đầu năm 2023. Tuy nhiên, từ tháng sáu 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam bắt đầu chứng kiến sự phục hồi tích cực. Triển vọng lạc quan từ các vấn đề thế giới và chính sách tích cực của Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp cùng với chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước đã thúc đẩy thị trường chứng khoán Việt Nam vào một đợt tăng trưởng ngắn hạn. VN-Index đã tăng mạnh và đạt điểm cao nhất trong năm tại 1.245,5 điểm vào ngày 6/9/2023, tăng khoảng 23,6% so với cuối năm 2022. Sự cải thiện rõ ràng không chỉ trong chỉ số VN-Index mà còn trong thanh khoản thị trường. Thanh khoản bình quân ngày của toàn thị trường đã tăng lên hơn 23 nghìn tỷ đồng, gấp đôi so với giai đoạn trước đó của năm 2023. Điều này phản ánh sự tái tạo niềm tin của nhà đầu tư và sự quay lại tích cực của dòng vốn vào thị trường. Trong năm 2023, Chính phủ cũng đã có nhiều động thái chủ động thúc đẩy sự thăng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam và kết hợp với những tín hiệu tích cực từ kinh tế thế giới, làm tăng lên kỳ vọng tích cực cho thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2024.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, PHS đã phải đối mặt với những thách thức lớn trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản toàn

thị trường chứng khoán giảm khoảng 15% so với cả năm 2022 và đã tác động đến giá trị giao dịch của PHS, doanh thu môi giới chứng khoán cũng ghi nhận mức sụt giảm so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt khoảng hơn 108 tỷ đồng. Tuy nhiên, PHS đã thực hiện các biện pháp quản lý chi phí một cách hiệu quả, với mảng môi giới giảm chi phí xuống còn 123,6 tỷ đồng. Điều này cho thấy sự linh hoạt và khả năng điều chỉnh của PHS để thích ứng với môi trường kinh doanh thị trường chứng khoán không ổn định.

Trong khi doanh thu môi giới giảm, nghiệp vụ cho vay ký quỹ vẫn duy trì được thành tích ổn định và tương tự như năm trước, đạt 229,7 tỷ đồng. Điều này có thể là một yếu tố tích cực, chứng tỏ PHS có sự ổn định trong các nghiệp vụ hỗ trợ tài chính, giúp bảo vệ doanh thu và giữ vững mức lợi nhuận. Có thể thấy, nhờ vào các chính sách linh hoạt trong việc phát triển khách hàng, PHS đã đạt được vị trí trong top 8 thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ vào quý 3/2023. Điều này không chỉ thể hiện nỗ lực của PHS trong việc duy trì và mở rộng mạng lưới khách hàng mà còn cho thấy khả năng thích ứng và tận dụng cơ hội trong bối cảnh thị trường đang biến động.

Trong năm 2024, PHS sẽ tập trung mạnh mẽ vào việc phát triển và cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng cá nhân trên thị trường chứng khoán. Nhận thức được sự quan trọng của đối tượng này, PHS đặt ra những mục tiêu cụ thể để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và tăng cường thị phần môi giới chứng khoán cơ sở.

Một trong những ưu tiên hàng đầu là nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán để tối ưu hóa trải nghiệm giao dịch cho khách hàng cá nhân. Sự linh hoạt, tốc độ và tính bảo mật sẽ được đặt lên hàng đầu để đảm bảo rằng nhà đầu tư có thể dễ dàng thực hiện giao dịch và theo dõi tình hình thị trường một cách thuận lợi. Ngoài ra, việc nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư cũng là một phần quan trọng của chiến lược phát triển. PHS sẽ đầu tư vào việc đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên gia tư vấn, đồng thời cung cấp các công cụ và nguồn thông tin chất lượng để hỗ trợ nhà đầu tư cá nhân đưa ra các quyết định đầu tư thông thái. Triển khai các gói sản phẩm đa dạng, phù hợp với từng đối tượng nhà đầu tư khác nhau sẽ là một cách hiệu quả để thu hút và giữ chân khách hàng. Từ những gói sản phẩm dành cho người mới bắt đầu đến các giải pháp đầu tư phức tạp, PHS sẽ đảm bảo rằng mọi khách hàng đều có lựa chọn phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư của họ.

Với những nỗ lực này, PHS đã đặt mục tiêu thị phần môi giới chứng khoán cơ sở trong năm 2024 ở mức 1,32%. Điều này không chỉ là một mục tiêu về con số mà còn

là cam kết của công ty trong việc mang đến giá trị thực sự cho khách hàng và thị trường chứng khoán. Đồng thời, nó cũng thể hiện quyết tâm của PHS trong việc định hình và phát triển bền vững trong thời kỳ biến động và cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường tài chính.

Nghiệp vụ môi giới hợp đồng tương lai chứng khoán phái sinh đã trở thành một điểm sáng nổi bật của PHS trong năm 2023, đặc biệt là khi Công ty đạt hạng 7 trong thị phần môi giới phái sinh trên HNX với 2,66%, một tăng trưởng ấn tượng hơn 54% so với cuối năm 2022 và gấp bảy lần so với năm 2021, năm đầu tiên triển khai nghiệp vụ này. Điều đáng chú ý là doanh thu từ phí môi giới phái sinh cũng đã có sự tăng trưởng đáng kể, gấp đôi so với cùng kỳ 2022. Điều này chứng tỏ sự hiệu quả và tiềm năng phát triển của nghiệp vụ này, đồng thời là kết quả của những chính sách phù hợp được PHS áp dụng để xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên kinh doanh tiềm năng. Chính sách này không chỉ tập trung vào việc tăng cường kỹ năng chuyên môn mà còn chú trọng vào việc chăm sóc khách hàng. Điều này giúp xây dựng một môi trường làm việc tích cực và chuyên nghiệp, từ đó tạo ra sự tin tưởng từ phía khách hàng và thị trường. Việc đặt mục tiêu thị phần phái sinh trong năm 2024 ở mức 2,87% là minh chứng cho sự tự tin và quyết tâm của PHS trong việc phát triển và định hình tương lai.

Với những kết quả tích cực này, PHS đã chứng minh khả năng quản lý và tận dụng cơ hội trong môi trường thị trường biến động. Sự mở rộng trong lĩnh vực môi giới hợp đồng tương lai chứng khoán phái sinh không chỉ mang lại lợi nhuận cho công ty mà còn đóng góp vào sự đa dạng hóa và ổn định của doanh nghiệp trong ngữ cảnh thị trường chứng khoán đầy thách thức.

2. Tư vấn và Bảo lãnh phát hành

Kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi chậm khi tăng trưởng toàn cầu giảm tốc do chính sách thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát, chiến tranh leo thang và các hiện tượng thời tiết cực đoan trong năm 2023. Trong bối cảnh nhiều khó khăn thách thức hơn là thuận lợi cả trong và ngoài nước, kinh tế Việt Nam 9 tháng đầu năm vẫn ghi nhận được kết quả tăng trưởng rất đáng trân trọng. Tốc độ tăng trưởng GDP trong 9 tháng năm 2023 đạt 4,24% và có xu hướng tăng dần theo thời gian. Tình hình lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng đầu năm 2023 tăng 3,16% so với cùng kỳ.

Trong năm 2023, khối Tư vấn (ADV) thực hiện tái cấu trúc nội bộ, đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của thị trường, mở rộng mạng lưới đối tác và khách hàng thông qua việc gặp gỡ và kết nối với khách hàng của các chi nhánh PHS và làm việc với các công ty chứng khoán khác. Ngoài ra, ADV cũng thực hiện kết nối và tư vấn cho khách hàng nước ngoài đã và đang hoạt động tại Việt Nam. Bên cạnh đó, ADV cũng đã cập nhật lại các quy trình tư vấn nhằm đảm bảo kiểm soát được rủi ro trong việc thực hiện hợp đồng dịch vụ và lưu trữ, theo dõi hồ sơ khách hàng.

Năm 2024, ADV sẽ duy trì chiến lược kinh doanh chủ đạo là cung cấp các dịch vụ tư vấn trọn gói cho các khách hàng, bao gồm các dịch vụ tư vấn niêm yết, phát hành và huy động vốn cho khách hàng. ADV cũng tiếp tục mở rộng mạng lưới nhà đầu tư trong và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu huy động vốn của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đối với các khách hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam có nhu cầu tư vấn huy động vốn, bán vốn hoặc phát hành thêm, ADV sẽ tích cực kết nối, tư vấn. Đồng thời, ADV sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài chính doanh nghiệp và tư vấn M&A, nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng và nhà đầu tư. Dựa trên tình hình thực tế và khả năng hiện tại, PHS đặt kế hoạch tập trung phát triển ADV cụ thể theo các hướng sau:

- Xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có năng lực nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng tiềm năng.
- Thường xuyên kết nối, làm việc với các chi nhánh của PHS và môi giới tại chi nhánh để nắm bắt nhu cầu của các đối tượng khách hàng tại các chi nhánh. Trên cơ sở đó, ADV cung cấp các dịch vụ cần thiết cho các đối tượng khách hàng, đẩy mạnh cơ hội ký kết các hợp đồng dịch vụ tư vấn và giới thiệu Công ty với các khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, chính sách hoa hồng cho những người giới thiệu hợp đồng dịch vụ tư vấn cũng tạo động lực cho việc tăng trưởng các hợp đồng dịch vụ được giới thiệu bởi nhân viên chi nhánh.
- Tiếp tục duy trì liên hệ với các khách hàng cũ cũng như các khách hàng hiện tại và mở rộng mối quan hệ với các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Xây dựng mạng lưới nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua việc mở rộng mạng lưới với các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, ngân hàng, công ty bảo hiểm để tìm kiếm cơ hội hợp tác trong tương lai.

3. Tự doanh

Cùng với sự hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023, khối Tự doanh tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu hàng đầu của các ngành dẫn dắt và các cổ phiếu có câu chuyện riêng với triển vọng kinh doanh. Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ đợt điều chỉnh từ giữa tháng 9, danh mục đầu tư chỉ tăng 2,1% trong 11 tháng đầu năm 2023.

Thị trường chứng khoán vẫn là kênh đầu tư hấp dẫn nhờ các chính sách hỗ trợ để tiếp tục thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng trong năm tới. Không chỉ vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam đang có những bước chuẩn bị để có thể nâng cấp thị trường từ cận biên lên mới nổi. Gần đây, cơ quan quản lý và các công ty chứng khoán đang hợp tác chặt chẽ với nhau để sớm đưa hệ thống giao dịch KRX mới ra thị trường. Nhìn chung, chúng tôi cho rằng thị trường chứng khoán Việt Nam đầy hứa hẹn và có tiềm năng tăng trưởng trong năm 2024

Khối Tự doanh đang điều chỉnh lại danh mục đầu tư của mình để có được lợi thế khi thị trường chứng khoán phục hồi vào năm tới. Bên cạnh đó, chúng tôi liên tục tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa danh mục và nâng cao hiệu quả đầu tư. Với sự quan sát toàn diện và kịp thời về mặt phân tích cơ bản và kỹ thuật, chúng tôi tin rằng khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, cũng như hiệu suất đầu tư vượt trội hơn trong năm 2024.

Hiện tại, danh sách cổ phiếu đầu tư được theo dõi, cập nhật và điều chỉnh cùng với những tín hiệu từ kỹ thuật và cơ bản. Ngoài ra, danh mục đầu tư cũng được xem xét thường xuyên. Quá trình theo dõi diễn biến cổ phiếu được ghi nhận như là hướng dẫn cho hoạt động đầu tư trong tương lai. Hiện tại, chúng tôi duy trì danh mục ở mức hợp lý, và sẽ gia tăng tỷ trọng khi thị trường có tín hiệu hồi phục.

Nhìn chung, khối Tự doanh sẽ theo sát diễn biến thị trường và tích cực hơn trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư. Với việc hợp tác chặt chẽ với đội ngũ Phân tích trong việc phân tích cơ bản cũng như phân tích kỹ thuật, hoạt động đầu tư của khối Tự doanh sẽ chuyên nghiệp với kỳ vọng đạt được lợi nhuận tiềm năng, bên cạnh đó rủi ro cũng được kiểm soát chặt chẽ.

4. Chứng quyền

Đã hơn 3 năm kể từ khi Chứng quyền có bảo đảm ("CW") chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ("HOSE") (ngày 28/06/2019). Thị trường CW đã đạt được thành công nhất định và thu hút nhiều sự chú ý từ các

thành viên tham gia, bao gồm cả tổ chức phát hành và nhà đầu tư. Trong năm 2023, PHS có ba mã chứng quyền được niêm yết trên HOSE là CHPG2303, CHPG2314 và CSTB2311. Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày của 3 chứng quyền này là 483 triệu đồng. Chiếm 1,05% trên tổng thị phần chứng quyền trong năm 2023.

Từ năm 2019 đến nay, quy mô phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm đã không ngừng tăng trưởng. Trong năm 2023, tính đến ngày 17 tháng 11 năm 2023, đã có 286 CW mới được phát hành và niêm yết trên HOSE, số lượng CW đang lưu hành đạt mức cao mới là 241 CW. Ngoài ra, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày của thị trường CW cũng tăng đáng kể từ 20,8 tỷ đồng lên 28,01 tỷ đồng (34,66%) so với năm 2022. Khối lượng và giá trị giao dịch đạt mức cao mới 81,14 triệu CW và 100,26 tỷ đồng vào ngày 22 tháng 09 năm 2023. Giá trị giao dịch của thị trường CW có mối tương quan chặt chẽ với VN-Index. Chúng tôi kỳ vọng độ sôi động của thị trường chứng quyền sẽ tiếp tục tăng lên cùng với toàn bộ thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai.

Chứng quyền có bảo đảm mang lại một số lợi ích cho nhà đầu tư cá nhân, bao gồm sự thuận tiện trong giao dịch, rào cản gia nhập thấp, đòn bẩy và mức lỗ tối đa giới hạn. Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm phái sinh duy nhất được niêm yết trên thị trường Việt Nam với cơ sở là một cổ phiếu riêng lẻ. Tuy nhiên, các nhà đầu tư tiềm năng của chứng quyền có bảo đảm còn chưa hiểu rõ về sản phẩm này. PHS sẽ tham gia vào kế hoạch marketing và đào tạo nhà đầu tư trong những năm sắp tới.

Trong năm 2024, PHS có kế hoạch phát triển một số hệ thống để hỗ trợ hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro một cách hiệu quả, chính xác và nhất quán hơn. Trong khi đó, PHS có thể gia tăng số lượng chứng quyền có bảo đảm thông qua tự động hóa và nâng cao năng suất. Số lượng chứng quyền có bảo đảm phát hành sẽ dựa theo xu hướng chung của toàn bộ thị trường và hành động của đối thủ nhằm tăng độ nhận diện và nổi bật vị thế của PHS trên thị trường.

5. Marketing

Dựa trên các nền tảng truyền thông trực tuyến đã xây dựng từ trước đó, năm 2023, Chứng khoán Phú Hưng tiếp tục duy trì định hướng chuyển dịch hình ảnh sang hướng chuyên nghiệp và trẻ trung và tập trung cho các hoạt động marketing nhằm thu hút khách hàng làm quen và mở tài khoản tại PHS thông qua các kênh trực tuyến. Bên cạnh đó các hoạt động mà Chứng khoán Phú Hưng đánh giá là có sự tập trung chuyên nghiệp hơn là các sự kiện dành cho sinh viên tại các trường Đại

học trong địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các sự kiện trực tuyến dành cho nhà đầu tư thân thiết. Tất cả các sự kiện này đều có tính quy mô, mục đích rõ ràng, nội dung và hình ảnh xuyên suốt.

Trong năm 2024, hoạt động truyền thông quảng bá tiếp thị của công ty sẽ hướng đến các mục tiêu sau:

- Đẩy mạnh hoạt động quảng bá các sản phẩm dịch vụ số của PHS đến các nhà đầu tư mục tiêu. Với tiền đề hoạt động 2023, cùng một số dự định áp dụng, các chiến dịch quảng bá 2024 của PHS sẽ tập trung vào tính bùng nổ, tính độc đáo và tạo đổ phủ lớn đồng thời tạo ra một lượng khách hàng quan tâm sử dụng các dịch vụ này.
- Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan báo chí truyền thông là tiền đề để quản lý khủng hoảng rủi ro trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Điều này đảm bảo cho các thông tin về Chứng khoán Phú Hưng không bị dẫn dắt sai hướng và các nhà đầu tư luôn có một nguồn thông tin hữu ích đảm bảo từ báo chí.
- Đo lường và quản lý dữ liệu tiếp thị để làm đầu vào cho hoạt động cải tiến chăm sóc khách hàng. Một trong những ưu điểm nổi bật của hoạt động truyền thông tiếp thị kỹ thuật số là người quản lý hoặc công ty có thể nắm bắt được dữ liệu hành vi của khách hàng và đánh giá được hiệu quả của hoạt động dựa trên các dữ liệu trực quan thu thập được. Do đó, năm 2024 vẫn tiếp tục là năm mà dữ liệu Marketing sẽ được xử lý cẩn trọng để trở thành đầu vào giá trị cho các hoạt động cải tiến nội bộ của công ty.

6. Quản lý rủi ro

PHS thừa nhận rằng rủi ro là một thành phần thiết yếu và không thể tránh khỏi trong hoạt động kinh doanh và cam kết quản lý rủi ro một cách chủ động, linh hoạt, hiệu quả, không thay đổi chính sách một cách đột ngột và hỗ trợ tốt cho hoạt động kinh doanh.

Thị trường chứng khoán trong giai đoạn năm 2023 chịu ảnh hưởng bởi nhiều biến động về vĩ mô trong nước và thế giới. Nhu cầu nội địa suy yếu cùng với nhu cầu ngoại quốc giảm mạnh và lạm phát kéo dài. Điều này cũng làm tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cũng giảm mạnh.

Năm 2023 cũng là một năm biến động đối với thị trường chứng khoán. PHS đã có các chiến lược quản lý rủi ro linh hoạt theo từng thời kỳ như thay đổi các tỷ lệ xử lý

nhằm hỗ trợ kinh doanh cũng như phòng ngừa rủi ro trong giai đoạn thị trường nhiều biến động. Đồng thời kiểm soát giá vay, tỷ lệ vay phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thị trường. Bên cạnh đó, Chiến lược quản lý rủi ro đã có sự thay đổi trong đó cơ cấu dư nợ chủ yếu được phân bổ cho các cổ phiếu vốn hóa lớn, cổ phiếu cơ bản tốt và khách hàng có uy tín. Các hoạt động quản lý rủi ro cụ thể là dịch vụ giao dịch ký quỹ đạt hiệu quả cao. Dựa vào kết quả đánh giá nợ xấu từ dịch vụ giao dịch ký quỹ, chúng ta có thể thấy rằng không có phát sinh bất kỳ khoản nợ xấu nào mới trong những năm qua. Khối Quản lý rủi ro đã hợp tác tốt với khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và nhiều thay đổi trong chiến lược quản lý rủi ro cho thấy tính hiệu quả và linh hoạt với những thay đổi của thị trường. Đồng thời với việc sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin và triển khai các mô hình định giá cổ phiếu cũng hỗ trợ rất tốt cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro.

Với kế hoạch vận hành KRX vẫn đang được kỳ vọng sớm đi vào thực tiễn, hệ thống này được cho là sẽ mang đến các sản phẩm, giải pháp giao dịch và thanh toán mới. đồng thời là tiền đề cho việc tiến tới nâng hạng thị trường chứng khoán, thu hút các nhà đầu tư và tăng cường thanh khoản. Căn cứ theo tình hình thị trường trong năm 2023 và hệ thống KRX sẽ đi vào vận hành sắp tới. khối Quản lý rủi ro sẽ xây dựng những chính sách quản lý rủi ro phù hợp với thị trường chung trong năm 2024. Đồng thời tập trung nhiều hơn vào các cổ phiếu cơ bản tốt để tăng tỷ trọng của cổ phiếu đó trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; hơn nữa, các chính sách cũng sẽ tập trung vào việc cải tiến quá trình đánh giá các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ nhằm giảm thiểu rủi ro cho PHS và khách hàng cũng như hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của toàn PHS.

PHS đã triển khai sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh được 03 năm, nên số lượng khách hàng còn nhiều cơ hội tăng trưởng trong năm 2024. Sản phẩm phái sinh ngày càng được mở rộng nên việc xây dựng các chiến lược quản lý rủi ro trong giao dịch chứng khoán phái sinh ngày càng được chú trọng và cải tiến để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Các rủi ro chính được xác định bao gồm: rủi ro thị trường, đòn bẩy vốn, sức ép yêu cầu ký quỹ, pháp lý, thanh khoản và rủi ro hệ thống. Theo đó Khối Quản lý rủi ro đề ra bộ tiêu chí quản lý rủi ro liên tục và phù hợp với thị

trường nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh trên thị trường giao dịch phái sinh.

Bên cạnh đó trong năm 2024, mục tiêu giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ hoạt động kinh doanh là chiến lược quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro. Nhằm đảm bảo cho các chiến lược đó, Khối Quản lý rủi ro sẽ nỗ lực hợp tác với Khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và tiếp tục sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin để hỗ trợ tốt nhất cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro. Sau đó, chúng tôi tiếp tục áp dụng danh sách giao dịch ký quỹ đa dạng hơn với tỷ lệ cho vay khác nhau nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn và hiệu quả, đồng thời gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Trên hết, chính sách Quản lý rủi ro năm 2024 phải đảm bảo tính độc lập, linh hoạt, đồng nhất, hiệu quả và bền vững trong tăng trưởng kinh doanh.

7. Công nghệ Thông tin

Trong năm 2023, PHS đã đầu tư mạnh mẽ hạ tầng công nghệ thông tin như cải tiến toàn diện website PHS, triển khai hệ thống CRM để phục vụ và tương tác với khách hàng tốt hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng có thể hỗ trợ khách hàng từ xa. Thành công thiết lập trung tâm dữ liệu dự phòng kết nối thành công với Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam nhằm đảm bảo điều kiện cho hoạt động liên tục của hệ thống giao dịch ở mức độ cao. Bên cạnh đó, IT cũng triển khai công nghệ áp dụng xác thực Smart OTP, thiết lập các tiêu chuẩn an toàn, bảo mật cao và đảm bảo các điều kiện cho hoạt động an toàn của hệ thống giao dịch và triển khai giải pháp liên kết Online tài khoản BIDV với nhiều tính năng nộp rút tiền trực tuyến nhằm hỗ trợ cho khách hàng giao dịch nhanh và thuận tiện hơn.

Công ty đã làm việc liên tục với nhà cung cấp phần mềm giao dịch chứng khoán để nâng cấp phần mềm giao dịch, đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ và hệ thống để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn kết nối của hệ thống giao dịch KRX mới. Bao gồm tốc độ xử lý, hỗ trợ thêm nhiều lệnh thị trường, sản phẩm tài chính mới của Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Năm 2024, PHS sẽ tập trung cải tiến và đầu tư sâu cho công nghệ, nền tảng giao dịch nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, cung cấp các giải pháp, công cụ

tài chính hiện đại mang lại hiệu quả tốt nhất cho khách hàng. Đồng thời công ty cũng tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào bảo mật thông tin cả về công nghệ và quy trình, để đáp ứng yêu cầu và đảm bảo các giao dịch của khách hàng an toàn và tin cậy.

Công ty sẽ xây dựng mới, cải tiến toàn diện Mobile App, Web-Trading, eKYC. Phát triển các công cụ tổng hợp và đánh giá dữ liệu tự động bằng thuật toán cung cấp thông tin phân tích chuyên sâu về doanh nghiệp, quản trị danh mục nhằm mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất về sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp. Ngoài ra, công ty sẽ đầu tư nâng cấp máy chủ cao cấp, thiết bị mạng tốc độ cao và các kênh truyền tới Sở Giao dịch Chứng khoán để đáp ứng số lượng lớn giao dịch với độ trễ thấp nhất khi hệ thống KRX mới chính thức đi vào hoạt động.

Công ty tiếp tục xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng nhằm đảm bảo điều kiện cho hoạt động liên tục của hệ thống giao dịch ở mức độ cao nhất.

8. Quản lý Nhân sự

Trong năm 2023, phòng tuyển dụng và gắn kết đã không ngừng đổi mới nội dung giao tiếp để kích thích thói quen tiếp cận thông tin công ty thông qua các kênh nội bộ như email và ứng dụng Base Inside. Đồng thời, những hoạt động nội bộ như sinh nhật nhân viên, team building, hội thao, văn nghệ, v.v. đã được duy trì nhằm tạo cơ hội gặp gỡ và giao lưu giữa nhân viên các khối phòng ban.

Trong năm 2024, phòng tuyển dụng và gắn kết sẽ tiếp tục cải thiện các hoạt động dựa trên ý kiến phản hồi và đóng góp từ các thành viên PHS thông qua các khảo sát về chất lượng chương trình đã diễn ra. Những cải thiện và phát triển này nhằm mục đích làm cho các hoạt động trở nên gần gũi hơn đối với nhân viên, giúp họ cảm nhận bản thân là một phần quan trọng của công ty, tăng cường sự chia sẻ hình ảnh về PHS trên mạng xã hội. Những chia sẻ chân thực về trải nghiệm làm việc và tham gia các sự kiện gắn kết sẽ giúp ứng viên quan tâm đến PHS được hiểu rõ hơn về công ty và xây dựng niềm tin trước khi họ quyết định ứng tuyển. Mỗi nhân viên trở thành một kênh truyền thông chất lượng về thương hiệu PHS.

Dựa trên thành công của lộ trình đào tạo được thực hiện trong năm 2023, trong năm 2024, Đội ngũ đào tạo vẫn tập trung vào việc không chỉ nâng cao kiến thức chuyên môn mà còn tinh chỉnh và phát triển các quy trình và kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp phù hợp với từng vị trí công việc, tích hợp các tiến bộ công nghệ và trải nghiệm học tập được cá nhân hóa thông qua hệ thống E-learning. Phòng Đào tạo

mong muốn không chỉ đáp ứng mà còn tạo ra một lực lượng lao động không chỉ có kỹ năng mà còn có tầm nhìn, góp phần vào sự thành công bền vững của PHS.

Cách tiếp cận thích ứng này đảm bảo rằng nhân viên được trang bị kiến thức và kỹ năng chính xác cần thiết cho vai trò tương ứng của họ thông qua các hoạt động trọng tâm chính trong năm 2024:

- Kiến thức chuyên môn nâng cao: thực hiện các khóa học chuyên ngành để đào sâu chuyên môn phù hợp với những tiến bộ trong ngành, thúc đẩy văn hóa học tập liên tục thông qua các buổi chia sẻ kiến thức và hội thảo thường xuyên.
- Nâng cao quy trình bán hàng: phát triển các mô-đun đào tạo phù hợp để tinh chỉnh và nâng cao quy trình bán hàng cho từng vị trí công việc, giới thiệu các vai trò cụ thể và các ví dụ thực tế nhằm tăng cường ứng dụng thực tế.
- Phát triển nghề nghiệp cá nhân & xây dựng đội ngũ kế thừa: điều chỉnh các mục tiêu nghề nghiệp cá nhân với các mục tiêu chiến lược của tổ chức, lập kế hoạch đội ngũ kế thừa tập trung vào sự phát triển của nhân viên có tiềm năng cao, cung cấp cho họ các kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để đảm nhận vai trò lãnh đạo trong tương lai.
- Tầm nhìn dài hạn và phát triển nghề nghiệp: thiết lập các chương trình cố vấn để hướng dẫn nhân viên xây dựng tầm nhìn dài hạn cho sự nghiệp của họ, cung cấp các nguồn lực cho sự phát triển cá nhân và chuyên nghiệp, đảm bảo một lực lượng lao động năng động và cam kết.
- Giám sát hiệu suất và phản hồi: sử dụng phân tích dữ liệu để theo dõi hiệu quả của các chương trình đào tạo, thực hiện công cụ phản hồi để thu thập thông tin chi tiết từ nhân viên, thúc đẩy văn hóa cải tiến liên tục.

Những năm gần đây, PHS vẫn đang nỗ lực duy trì và điều chỉnh các chính sách lương thưởng và chế độ phúc lợi hấp dẫn nhằm đảm bảo việc thu hút lực lượng lao động và khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

Trong năm 2024, chính sách lương, thưởng và phúc lợi tại công ty vẫn sẽ được xây dựng và thực thi theo các tiêu chí cơ bản như sau:

- Tuân thủ Pháp luật lao động về tiền lương tối thiểu, quyền lợi lao động, thuế và các quy định liên quan khác;
- Phù hợp với tình hình kinh doanh và ngân sách hoạt động của công ty;
- Cơ chế chi trả lương và phúc lợi theo vị trí, năng lực và kinh nghiệm của Người lao động;



- Cơ chế chi trả thưởng dựa trên các tiêu chí đánh giá hiệu suất công việc và kết quả làm việc của người lao động trong năm;
- Đảm bảo yếu tố công bằng trong công ty và cạnh tranh so với thị trường nhằm tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, hài hòa và ổn định.

Đồng thời, đảm bảo Quy chế xử lý kỷ luật lao động được thực thi công bằng và minh bạch là cơ sở để tổ chức lao động khoa học, duy trì trật tự lao động và ổn định được sản xuất kinh doanh trong phạm vi Doanh nghiệp nói riêng và trên phạm vi toàn xã hội nói chung.

9. Tóm tắt Dự toán ngân sách năm 2024

| Chỉ tiêu | Dự toán ngân sách năm 2024 (VNĐ) |
|---------------------|----------------------------------|
| Tổng Doanh thu | 745.636.273.682 |
| Tổng Chi phí | 613.139.525.726 |
| Lãi (lỗ) trước thuế | 132.496.747.956 |
| Lãi (lỗ) sau thuế | 100.817.673.475 |
| Thị phần | 1,3% |

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ông ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

V/v: Dự toán ngân sách tài chính năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của nền kinh tế và vị thế của Công ty trên thị trường chứng khoán, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua **Dự toán ngân sách tài chính năm 2024** như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2024 |
|--|-------------------|
| Tổng doanh thu | 745.636.273.682 |
| Tổng chi phí | 613.139.525.726 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 132.496.747.956 |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế | 100.817.673.475 |
| Thù lao Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát | 1.920.000.000 |

Trong năm 2023 thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt đã chi 6.087.321.040 đồng.
Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
PHÚ HƯNG
QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH
ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

V/v: Chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc **chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024** như sau:

1. Tên đơn vị kiểm toán: **Công ty TNHH KPMG Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 028 3821 9266

Fax: 028 3821 9267

Trường hợp Công ty TNHH KPMG Việt Nam không thể cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, thì đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024 được thay thế là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc liên quan với Công ty Kiểm toán độc lập được chọn.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



LIEW SEP SIANG

Số: .06./2024/TT- HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

Thông qua xử lý nợ khó đòi

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016;
- Căn cứ vào khả năng thu hồi và thời gian quá hạn của các khoản nợ phải thu.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc xóa nợ phải thu khó đòi liên quan đến hoạt động cho vay ký quỹ, bao gồm nợ gốc và lãi với số tiền 1.016.220.980 đồng, những khoản nợ này đã được trích lập dự phòng 100%. Việc xử lý xóa nợ sẽ được hạch toán trong kỳ kế toán sáu tháng đầu năm 2024.

Trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị tiến hành thủ tục xử lý xóa nợ phải thu khó đòi nêu trên theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING

Số: ...07/2024/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023** như sau:

| | |
|--|--------------------|
| Lợi nhuận sau thuế năm 2023 | 44.550.793.002 VND |
| Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2023 | 99.830.543.272 VND |
| Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền: 3% mệnh giá (Không bao gồm cổ phiếu quỹ) (*) | 45.002.798.700 VND |

(*) Số tiền dự kiến chi trả cổ tức tính trên tổng số cổ phần đã phát hành tại ngày 31/12/2023. Trường hợp tổng số cổ phần đã phát hành có thay đổi tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức, Hội đồng quản trị có thể tăng hoặc giảm số tiền chi trả theo tỷ lệ chi trả trên nếu đáp ứng đủ nguồn lợi nhuận phân phối theo quy định của pháp luật.

Trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.


CHỦ TỊCH
ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

Tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên (“Đại hội”) thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 1500.098.190.000 đồng lên 2.000.098.190.000 đồng, chi tiết như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu;
4. Số lượng cổ phiếu chào bán: 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phiếu;
5. Giá cổ phiếu phát hành dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu;
6. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ) đồng;
7. Tổng vốn huy động dự kiến thu được: 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ) đồng;



8. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được chào bán riêng lẻ và tăng vốn điều lệ;

9. Số lượng nhà đầu tư tham gia: Đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư theo quy định.

Đính kèm chi tiết phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

II. ỦY QUYỀN TỪ ĐẠI HỘI CHO HĐQT ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ BẰNG HÌNH THỨC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ:

HĐQT kính trình Đại hội thông qua việc ủy quyền cho HĐQT để thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Nội dung ủy quyền từ Đại hội cho HĐQT để thực hiện các công việc của kế hoạch tăng vốn điều lệ như sau:

Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện các vấn đề sau:

- Quyết định thời gian chào bán và tổ chức triển khai Phương án Phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua hoặc Phương án Phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước;
- Quyết định phương án xử lý cổ phần chào bán không phân phối hết cho đối tượng khác bao gồm nhưng không giới hạn việc quyết định tiêu chí, đối tượng, số lượng nhà đầu tư đảm bảo theo quy định pháp luật, số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư, v.v. Trường hợp không thể phân phối hết thì được toàn quyền quyết định, điều chỉnh quy mô đợt phát hành (số lượng cổ phần chào bán thực tế đã được phân phối và giá trị cổ phần đã được chào bán) và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Quyết định, thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để việc phát hành và chào bán theo đúng thủ tục, quy định hiện hành;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh;
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Trong phạm vi ủy quyền trên, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện các công việc nêu trên theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng,

Đính kèm:

1. Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ.



THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

I. Thông tin doanh nghiệp

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**
- Tên tiếng Anh: **PHU HUNG SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **PHS**
- Trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28) 5413 5479 Fax: (84-28) 5413 5472
- Website: www.phs.vn
- Căn cứ pháp lý:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313642887 ngày 20/01/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 14 ngày 22/11/2022.
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCK) cấp; các giấy phép sửa đổi và bổ sung cho Giấy phép số 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016 do UBCK cấp.
- Mã số thuế: 0313642887
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Phái sinh.
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Ông Albert Kwang-Chin Ting - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Ông Chen Chia Ken - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Tổng giám đốc: Ông Chen Chia Ken
- Các chi nhánh và phòng giao dịch:

Chi nhánh Quận 1

Địa chỉ : Phòng 1003A, Tầng 10, số 81-83-83B-85 đường Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3 535 6060

Fax : (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Địa chỉ : Tầng 4 & 5, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3820 8068

Fax : (84-28) 3820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Địa chỉ : Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3813 2401

Fax : (84-28) 3813 2415

Phòng Giao dịch Phú Mỹ Hưng

Địa chỉ : Tầng trệt, CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 5413 5478

Fax : (84-28) 5413 5473

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 3933 4566

Fax : (84-24) 3933 4820

Chi nhánh Thanh Xuân

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 6250 9999

Fax : (84-24) 6250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ : Tầng 2, tòa nhà số 18 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Số điện thoại : (84-225) 384 1810

Fax : (84-225) 384 1801

2. Vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ hiện tại : 1.500.098.190.000 (Một nghìn năm trăm tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, một trăm chín mươi nghìn) đồng.

Mệnh giá cổ phần : 10.000 (Mười nghìn) đồng.

Số cổ phần hiện tại : 150.009.819 (Một trăm năm mươi triệu, không trăm lẻ chín nghìn, tám trăm mười chín) cổ phần.

3. Tóm tắt quá trình hoạt động và chiến lược dài hạn của doanh nghiệp:

PHS thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (Quyết định thành lập số 23/QĐ-UBCK ngày 29/12/2006, gọi là PHS cũ) với Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (ATSC) theo Quyết định chấp thuận hợp nhất số 1129/QĐ-UBCK ngày 16/12/2015 của UBCK. PHS kế thừa toàn bộ hoạt động của cả hai công ty tham gia hợp nhất, theo đó hoạt động trên nền tảng cơ cấu tổ chức và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của PHS cũ trong khi ATSC trở thành một chi nhánh của PHS. Toàn bộ tài sản, vốn của PHS cũ và ATSC đã được chuyển sang PHS mới với số vốn điều lệ là 202.585.070.000 đồng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK (do UBCK cấp ngày 20/01/2016).

Ngày 31/07/2019, cổ phiếu của PHS đã chính thức giao dịch trên UPCOM – Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Với kinh nghiệm hơn 17 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, PHS có cơ sở khách hàng ổn định và nguồn lực kinh doanh vững chắc. Kết thúc năm 2023, PHS đã đạt TOP 6 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh. Ngoài ra, trong năm 2023, PHS cũng đã ra mắt sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm nhằm đáp ứng các nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng.

PHS chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng để tối ưu năng lực các dịch vụ trực tuyến, cải tiến các tính năng phục vụ việc giao dịch của nhà đầu tư, bổ sung các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm gia tăng trải nghiệm của khách hàng. Đồng thời cải tiến các quy trình nội bộ nhằm tăng hiệu suất làm việc của nhân viên.

Tài sản và vốn của PHS được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Tại thời điểm 31/12/2022 | Tại thời điểm 31/12/2023 |
|-----|--|-----------------------------|-----------------------------|
| A | TÀI SẢN | 3.676.223 | 4.040.738 |
| I | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 3.594.952 | 3.959.453 |
| 1 | Tài sản tài chính | 3.591.805 | 3.954.793 |
| 1.1 | <i>Tiền và tương đương tiền</i> | <i>763.880</i> | <i>196.824</i> |
| 1.2 | <i>Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i> | <i>6.715</i> | <i>90.634</i> |
| 1.3 | <i>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)</i> | <i>768.313</i> | <i>654.213</i> |
| 1.4 | <i>Các khoản cho vay</i> | <i>1.991.637</i> | <i>2.951.919</i> |
| 1.5 | <i>Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp</i> | <i>(13.161)</i> | <i>(30.551)</i> |
| 1.6 | <i>Các khoản phải thu</i> | <i>57.343</i> | <i>74.788</i> |
| 1.7 | <i>Trả trước cho người bán</i> | <i>1.700</i> | <i>7.108</i> |

| STT | Chỉ tiêu | Tại thời điểm 31/12/2022 | Tại thời điểm 31/12/2023 |
|-----------|--|-----------------------------|-----------------------------|
| 1.8 | Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán | 9.824 | 3.964 |
| 1.9 | Các khoản phải thu khác | 13.006 | 12.787 |
| 1.10 | Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | (7.453) | (6.894) |
| 2 | Tài sản ngắn hạn khác | 3.147 | 4.660 |
| II | TÀI SẢN DÀI HẠN | 81.271 | 81.286 |
| 1 | Tài sản cố định | 30.021 | 23.745 |
| 2 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 1.633 | - |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 49.617 | 57.540 |
| B | NGUỒN VỐN | 3.676.224 | 4.040.738 |
| I | NỢ PHẢI TRẢ | 2.078.780 | 2.428.746 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 2.076.780 | 2.426.615 |
| 1.1 | Vay ngắn hạn | 1.833.020 | 1.990.040 |
| 1.2 | Phải trả người bán | 432 | 66 |
| 1.3 | Người mua trả tiền trước | - | - |
| 1.4 | Doanh thu chưa thực hiện | - | - |
| 1.5 | Thuế và các khoản phải trả nhà nước | 15.255 | 11.982 |
| 1.6 | Phải trả người lao động | 6 | - |
| 1.7 | Chi phí phải trả | 18.889 | 23.312 |
| 1.8 | Các khoản phải trả khác | 9.474 | 11.720 |
| 1.9 | Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 370 | 373 |
| 1.10 | Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 199.343 | 389.121 |
| 2 | Nợ dài hạn | 1.980 | 2.131 |
| 2.1 | Dự phòng phải trả dài hạn | 1.980 | 2.131 |
| 2.2 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | - | - |
| II | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 1.597.444 | 1.611.992 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 và 2023

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư số 121/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán;
- Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Điều lệ Công ty Cổ phần chứng khoán Phú Hưng.

2. Sự cần thiết phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ:

Thực hiện theo lộ trình phát triển bài bản do Chính phủ soạn thảo, thị trường chứng khoán Việt Nam đã và đang chứng kiến những bước phát triển vượt bậc và tiếp tục phát triển trong vài năm qua. Các biện pháp nâng hạng thị trường được áp dụng, đặc biệt là sự giới thiệu đa dạng các sản phẩm mới đã làm cho hoạt động đầu tư vào thị trường chứng khoán trở thành hoạt động phổ biến nhất. Ngày 01/01/2021, sự ra đời của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, cùng với các Thông tư và Nghị định liên quan bao gồm Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 121/2020/TT-BTC đã cung cấp thêm cơ sở pháp lý sâu sắc trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ và tính minh bạch của các doanh nghiệp niêm yết.

Năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều biến động. Tính đến ngày 29/12 – ngày làm việc cuối cùng của năm 2023, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1.129,93 điểm, tăng 12,19% so với năm 2022. Trước những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cũng như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế phục hồi trở lại, diễn biến trên thị trường cũng tích cực hơn đi cùng với thanh khoản trung bình phiên được phục hồi đáng kể.

Tổng khối lượng giao dịch chứng khoán từ trong năm 2023 đạt hơn 222 tỷ cổ phiếu với tổng giá trị giao dịch đạt gần 4,4 triệu tỷ đồng, tương ứng với khối lượng giao dịch bình quân gần 894,4 triệu cổ phiếu/ngày (tăng 10,5% so với năm 2022) và giá trị giao dịch bình quân 17.579 tỷ đồng/ngày (giảm 12.9% so với năm 2022).

Quy mô vốn hóa và quy mô niêm yết của thị trường cổ phiếu tiếp tục tăng so cuối năm 2022. Tính đến cuối năm 2023, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 5.937 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6% so cuối năm 2022, tương đương 58,1% GDP ước tính năm 2023. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường đạt 2.128 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so cuối năm 2022 với 739 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán (HNX và HSX) và 862 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM.

Để nắm bắt cơ hội phát triển này, PHS cần phải tăng năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu vốn cho khách hàng giao dịch chứng khoán và có thể cung cấp các sản phẩm mới trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

Dựa vào tình hình phát triển của Công ty hiện nay và tiềm năng tăng trưởng thị trường, việc huy động vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ là cần thiết nhằm bổ sung vốn kinh doanh cho các hoạt động của Công ty.

3. Phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ:

3.1 Loại cổ phiếu, số lượng cổ phiếu chào bán:

| | | |
|--|---|--|
| Tên cổ phiếu | : | Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng |
| Loại cổ phiếu | : | Cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá cổ phiếu | : | 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu chào bán | : | 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phiếu |
| Giá cổ phiếu phát hành dự kiến | : | 10.000 đồng/cổ phiếu <i>(Nguyên tắc xác định giá chào bán tham khảo tại Phụ lục Báo cáo định giá cổ phiếu PHS)</i> |
| Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá | : | 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ) đồng |
| Tổng vốn huy động dự kiến sau đợt phát hành | : | 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ) đồng |
| Thời hạn phân phối | : | Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được chào bán riêng lẻ và tăng vốn điều lệ |
| Số lượng nhà đầu tư tham gia | : | Đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư theo quy định |

3.2 Phương thức phát hành:

Chào bán riêng lẻ đến các nhà đầu tư.

4. Mục đích chào bán:

- (1) Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh;
- (2) Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ;
- (3) Nâng cao an toàn tài chính, bổ sung vốn cho các nghiệp vụ chứng khoán phái sinh;
- (4) Thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính – chứng khoán khác theo đúng các quy định của pháp luật.

5. Tiêu chí lựa chọn đối tượng chào bán:

Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán cổ phiếu riêng lẻ là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc/ và Nhà đầu tư chiến lược cụ thể:

❖ **Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (Theo quy định tại Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14):**

- Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính

nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
- Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả.
- Cổ phiếu phát hành mới cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm kể từ ngày hoàn thành chào bán.

❖ **Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược (Theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14):**

Nhà đầu tư chiến lược là các cổ đông hiện hữu của Công ty đáp ứng các điều kiện:

- Có năng lực tài chính mạnh, hỗ trợ được cho Công ty về vốn;
- Được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.
- Cổ phiếu phát hành mới cho Nhà đầu tư chiến lược sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm kể từ ngày hoàn thành chào bán.

❖ **Đồng thời, nhà đầu tư tham gia trở thành cổ đông của PHS phải đáp ứng các điều kiện sau:**

- (1) Các nhà đầu tư và PHS không phải là các công ty con của cùng một công ty mẹ và PHS không phải là công ty mẹ của các nhà đầu tư (Điều 43.6 Nghị định 155/2020/ND-CP);
- (2) Các nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của PHS và người có liên quan của nhà đầu tư (nếu có) không được sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại một công ty chứng khoán khác (Điều 74.4.c Luật chứng khoán số 54/2019/QH14);
- (3) Các nhà đầu tư được chào bán có bán cam kết thực hiện mua hết số lượng cổ phiếu đã đăng ký.

❖ **Cổ phiếu phát hành sẽ được phân phối trực tiếp cho các nhà đầu tư theo danh sách được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.**

Căn cứ tiêu chí trên, Công ty đã lựa chọn và xác định danh sách nhà đầu tư được chào bán như sau:

| ST T | Tên Nhà đầu tư | Giấy giấy CMND/ Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Đối tượng | | Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu) | Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt phát hành (%) |
|------------------|---------------------------------------|--|---|--|--|---|--|
| | | | Nhà đầu tư chiến lược/ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp | Nhà đầu tư nước ngoài/ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước | | | |
| 1 | Phu Hung Far East Holding Corporation | CA5901 | Nhà đầu tư chiến lược | Nhà đầu tư nước ngoài | 69.004.600 | 23.000.000 | 46% |
| 2 | New Beam International Inc | CB5917 | Nhà đầu tư chiến lược | Nhà đầu tư nước ngoài | 26.176.745 | 15.500.000 | 20,84% |
| 3 | Dong Bang Development Limited | CB3748 | Nhà đầu tư chiến lược | Nhà đầu tư nước ngoài | 7.290.486 | 1.800.000 | 4,55% |
| 4 | Cat Tinh Development Limited | CD2863 | Nhà đầu tư chiến lược | Nhà đầu tư nước ngoài | 258.177 | 9.700.000 | 4,98% |
| Tổng cộng | | | | | | 50.000.000 | |

6. Các hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Công ty Cổ phần chứng khoán Phú Hưng đã được Ủy ban chứng khoán chấp thuận tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên đến 100%. Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư nước ngoài sẽ bị ràng buộc theo quy định tại Điều 77.1 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, cụ thể như sau:

- (1) Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 77.2 Luật Chứng khoán thì được mua để sở hữu đến 100% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán; được thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán 100% vốn nước ngoài.
- (2) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không đáp ứng quy định tại Điều 77.2 Luật Chứng khoán hoặc là cá nhân thì chỉ được sở hữu dưới 49% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

7. Các loại thuế có liên quan:

Do đây là phương án phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ nên không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ thuế nào cho tổ chức phát hành.

8. Thời gian dự kiến phát hành:

Dự kiến phát hành: Trong năm 2024, ngay sau khi PHS nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đã hoàn tất thủ tục công bố thông tin theo quy định. Thời gian phát hành cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

9. Báo cáo kết quả phát hành tăng vốn điều lệ:

PHS sẽ tiến hành thực hiện báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCK theo quy định sau khi kết thúc đợt phát hành.

10. Đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam:

Cổ phần được chào bán thành công theo phương án này sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

11. Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu phát hành thêm:

Cổ phần được chào bán thành công theo phương án này sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung để giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

12. Ủy quyền:

Đại Hội đồng cổ đông thông nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện các vấn đề sau:

- Quyết định thời gian chào bán và tổ chức triển khai Phương án Phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc Phương án Phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước;
- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này sẽ được hủy và Hội đồng Quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán;
- Quyết định, thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để việc phát hành và chào bán theo đúng thủ tục, quy định hiện hành;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Trong phạm vi ủy quyền trên, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện các công việc nêu trên theo quy định của pháp luật.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

- (1) Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh;
- (2) Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ;

- (3) Nâng cao an toàn tài chính, bổ sung vốn cho các nghiệp vụ chứng khoán phái sinh;
- (4) Thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính – chứng khoán khác theo đúng các quy định của pháp luật.

Việc sử dụng vốn phát hành để kinh doanh của PHS đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành có liên quan.

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ là cần thiết để tăng vốn điều lệ giai đoạn hiện nay lên 2.000.098.190.000 (Hai nghìn tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, một trăm chín mươi nghìn) đồng, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của PHS.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**ALBERT KWANG-CHIN TING
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU PHS

(Đính kèm Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần chứng khoán Phú Hưng)

1. Phương pháp định giá:

- Trong đầu tư, có nhiều phương pháp định giá khác nhau được sử dụng để định giá doanh nghiệp, định giá vốn như Phương pháp giá trị tài sản ròng (NAV); Phương pháp giá trị sổ sách; Phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF); Phương pháp P/E; Phương pháp P/B. Ngoài ra, một số phương pháp định giá khác dựa trên khái niệm giá trị gia tăng kinh tế như EVA (Giá trị gia tăng kinh tế).
- Tuy nhiên, dựa trên tình hình thực tế và báo cáo tài chính của PHS tại ngày 31/12/2023, giá phát hành cho đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ được xác định dựa trên sự tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Công ty theo chỉ số Giá trên lợi nhuận mỗi cổ phiếu (P/E), chỉ số Giá trên giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu (P/B) và giá giao dịch của cổ phiếu PHS trong thời gian gần nhất.

2. Kết quả định giá:

2.1 Giải thích các tiêu chí định giá:

Chúng tôi sẽ dựa trên phương pháp P/E và phương pháp P/B. Bằng cách sử dụng các phương pháp này, chúng ta cần tính P/E của ngành và P/B của ngành, trong đó:

- Nguyên tắc để phân loại các công ty là chúng tôi chọn các công ty chứng khoán có cùng quy mô về vốn và doanh thu hoạt động môi giới của PHS, nằm trong khoảng +/- 100% doanh thu môi giới của PHS (tính đến thời điểm 31/12/2023: vốn điều lệ của PHS là 1.500.098.190.000 đồng và doanh thu hoạt động môi giới là 150.678 triệu đồng).

Những công ty chứng khoán có cùng quy mô với PHS bao gồm:

- CTCP Chứng khoán Nhất Việt
- CTCP Chứng khoán An Bình
- CTCP Chứng khoán DSC
- CTCP Chứng khoán Bảo Việt
- CTCP Chứng khoán Rồng Việt
- P (Giá) trong P/E và P/B là chúng tôi tính dựa trên giá trung bình trong vòng 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho các công ty chứng khoán được đề cập ở trên ("Giá trung bình")
- EPS là Thu nhập trên mỗi cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
- BVPS là Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
- P/E: Giá trung bình chia cho Thu nhập trên mỗi cổ phiếu
- P/B: Giá trung bình chia cho Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

2.2 Phương pháp P/E:

- Giá cổ phiếu PHS bằng chỉ số P/E ngành (tại thời điểm ngày 31/12/2023) nhân với lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS).
- Lợi nhuận ròng năm 2023 = 44.551 triệu đồng
- Số lượng cổ phiếu trung bình năm 2023 = 150.009.819 cổ phiếu

- P/E ngành dựa trên trung vị P/E của các công ty chứng khoán được đề cập ở trên, cụ thể như sau:

| TT | Mã CK | Tên công ty | Sàn | Doanh thu môi giới tại 31/12/2023 (đồng) | EPS | P/E |
|-----------------|-------|----------------------------|-------|--|-------|--------------|
| 1 | VFS | CTCP Chứng khoán Nhất Việt | HNX | 45.290.557.161 | 904 | 22,34 |
| 2 | ABW | CTCP Chứng khoán An Bình | UPCoM | 63.225.769.549 | 769 | 14,56 |
| 3 | DSC | CTCP Chứng khoán DSC | UPCoM | 103.914.009.439 | 788 | 30,34 |
| 4 | BVS | CTCP Chứng khoán Bảo Việt | HNX | 307.765.343.020 | 2.710 | 11,92 |
| 5 | VDS | CTCP Chứng khoán Rồng Việt | HOSE | 249.929.639.357 | 1.560 | 13,33 |
| TRUNG VỊ | | | | | | 14,56 |

- Giá cổ phiếu của PHS theo phương pháp P/E được tính như sau:

| Chỉ tiêu | Kết quả kinh doanh của PHS tính đến ngày 31/12/2023 |
|--|---|
| Lợi nhuận thuần 12 tháng gần nhất tính đến ngày 31/12/2023 (triệu đồng) | 44.551 |
| Số lượng cổ phiếu trung bình (cổ phiếu) | 150.009.819 |
| Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (đồng) | 297 |
| P/E ngành (lần) | 14,56 |
| Giá cổ phiếu của PHS (đồng) | 4.324 |

2.3 Phương pháp P/B:

- Giá cổ phiếu PHS bằng chỉ số P/B ngành nhân với giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) được lấy trong bảng cân đối kế toán gần nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
- P/B ngành dựa trên P/B trung vị của các công ty chứng khoán được đề cập ở trên, cụ thể như sau:

| TT | Mã CK | Tên công ty | Sàn | Doanh thu môi giới tại 31/12/2023 (đồng) | BVPS | P/B |
|----|-------|----------------------------|-------|--|--------|------|
| 1 | VFS | CTCP Chứng khoán Nhất Việt | HNX | 45.290.557.161 | 12.258 | 1,65 |
| 2 | ABW | CTCP Chứng khoán An Bình | UPCoM | 63.225.769.549 | 13.259 | 0,84 |
| 3 | DSC | CTCP Chứng khoán DSC | UPCoM | 103.914.009.439 | 10.905 | 2,19 |

| TT | Mã CK | Tên công ty | Sàn | Doanh thu môi giới tại 31/12/2023 (đồng) | BVPS | P/B |
|-----------------|-------|----------------------------|------|--|--------|-------------|
| 4 | BVS | CTCP Chứng khoán Bảo Việt | HNX | 307.765.343.020 | 32.059 | 1,01 |
| 5 | VDS | CTCP Chứng khoán Rồng Việt | HOSE | 249.929.639.357 | 11.325 | 1,84 |
| TRUNG VỊ | | | | | | 1,65 |

- Giá cổ phiếu của PHS theo phương pháp P/B được tính như sau:

| Chỉ tiêu | Dữ liệu tại ngày 31/12/2023 |
|---|-----------------------------|
| Tổng vốn chủ sở hữu (triệu đồng) | 1.611.992 |
| Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu) | 150.009.819 |
| Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (đồng) | 10.746 |
| P/B ngành (lần) | 1,65 |
| Giá cổ phiếu của PHS (đồng) | 17.731 |

2.4 Giá giao dịch của PHS:

Căn cứ lịch sử giao dịch của PHS trong vòng 60 phiên gần nhất đến ngày 07/03/2024, giá bình quân của cổ phiếu PHS là 15.810 đồng.

3. Kết luận:

Giá mỗi cổ phiếu được xác định là trung bình có trọng số của ba phương pháp trên. Dựa trên đó, giá cổ phiếu trung bình được tính như sau:

| Phương pháp định giá | Giá mục tiêu | Trọng số |
|--------------------------------|---------------|----------|
| Chỉ số P/E | 4.324 | 45% |
| Chỉ số P/B | 17.731 | 25% |
| Giá giao dịch bình quân | 15.810 | 30% |
| Giá mỗi cổ phiếu (đồng) | 11.122 | |

Căn cứ theo kết quả định giá như trên, giá cổ phiếu bình quân của PHS được định giá ở mức **11.122 đồng/cổ phiếu**

Trên cơ sở các mức giá nêu trên và nhu cầu vốn cấp thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn sắp tới, để hấp dẫn nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và nhà đầu tư chiến lược tham gia đầu tư vào công ty nhằm tăng khả năng thành công của đợt phát hành cũng như tạo động lực giúp PHS đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, cải thiện, nâng cao hệ thống quản trị, phát triển các dịch vụ tài chính, HĐQT thông qua mức giá phát hành trong đợt phát hành lần này là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

Số.: .09./2024/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
Sửa đổi Điều lệ

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Để tuân thủ những quy định của pháp luật liên quan đến công ty đại chúng, Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("PHS") đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp.

Hội Đồng Quản Trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên ("Đại hội") thông qua:

1. Sửa đổi và Bổ sung Điều lệ của PHS

Chi tiết toàn bộ nội dung sửa đổi và Điều lệ 2024 được đính kèm tờ trình này.

- 2. Sửa đổi và Bổ sung Điều lệ sau khi tăng vốn điều lệ:** Sau sự kiện tăng vốn điều lệ (nếu được thông qua tại Đại hội), Chủ tịch HĐQT sẽ được ủy quyền ký tên trên bản Điều lệ được sửa đổi và bổ sung phản ánh sự thay đổi này. Ngày ký là ngày Điều lệ sửa đổi chính thức có hiệu lực.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.



ALBERT KWANG-CHIN TING

ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Tờ trình sửa đổi Điều lệ của Hội Đồng Quản Trị tới Đại hội đồng cổ đông 2024)

Ghi chú:

- Những từ được **bôi đậm** ở cột "NỘI DUNG" (nếu có) là những nội dung đề xuất sửa đổi hoặc bỏ.
- Những từ được **gạch chân** ở cột "ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH" là những nội dung đã được sửa đổi hoặc bổ sung.

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|----------|---|---|---|
| 1 | Điều 1: Định nghĩa (khoản 1) | | |
| 1.1 | q. "TTLKCK" là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam | "VSDC" là Tổng Công ty Lưu ký và Bảo trợ Chứng khoán Việt Nam | VSD đã chuyển đổi thành VSDC từ ngày 1/1/2021 |
| 1.2 | r. "Biểu quyết tại cuộc họp" là việc Cổ đông: - Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; - Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác biểu quyết tại cuộc họp; - Biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác. | r. "Biểu quyết tại cuộc họp" là việc Cổ đông: - Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; - Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác biểu quyết tại cuộc họp; - Biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác. | Sửa đổi nội dung này ở bản tiếng Anh để phù hợp với bản tiếng Việt. |
| 1.3 | s. "Biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử" là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của VSDC. | "Biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử" là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của VSDC. | Sửa đổi nội dung này ở bản tiếng Anh để phù hợp với bản tiếng Việt. |
| 2 | Cụm từ "thành viên Ban Kiểm soát" | "Kiểm soát viên" | Sửa đổi nội dung này ở bản tiếng Việt để phù hợp với quy định pháp luật. |
| 3 | Điều 23: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (khoản 1 và 2) | | |
| 3.1 | 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: | 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: | Gộp khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2023 thành khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2024 với lý do sau: |

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|-------|---|---|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> Cách trình bày hiện tại có thể gây ra hiểu nhầm sau: Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể thông qua mọi vấn đề nhưng các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua thì không thể điều chỉnh bằng Đại hội đồng cổ đông bất thường. Pháp luật không phân biệt quyền của đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường mà chỉ yêu cầu Đại hội đồng cổ đông thường niên phải thông qua một số nội dung tối thiểu như: a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; b) Báo cáo tài chính hằng năm; c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị |
| 3.1.1 | a. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; | Điểm a → chuyển sang điểm a khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | Gộp khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2023 thành khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2024 |
| 3.1.2 | b. Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; | Điểm b → chuyển sang điểm b khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.1.3 | c. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; | Điểm c → chuyển sang điểm c khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.1.4 | d. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị; | Điểm d → chuyển sang điểm d khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.1.5 | e. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; | Điểm e → chuyển sang điểm e khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.1.6 | f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà | f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại | <ul style="list-style-type: none"> Điểm f → chuyển sang điểm f khoản 2 Điều 23; và Viết ngắn gọn theo đúng quy định pháp luật. Cổ tức do Đại hội đồng |

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|-------|--|---|---|
| | Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; | | cổ đông quyết định, việc giới hạn mức cổ tức theo đề xuất của HĐQT là không phù hợp. |
| 3.1.7 | g. Các nội dung quy định tại Điều 23.2. | Điểm g → bỏ | Điểm này bị bỏ do khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2023 đã được góp thành khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2024. |
| 3.2 | 2. Đại hội đồng cổ đông bất thường có quyền thảo luận và thông qua: | Khoản 2 → bỏ | Bỏ khoản 2 theo giải thích như ở mục 3.1. |
| 3.2.1 | a. Quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Thời hạn Công ty kiểm toán được thực hiện việc kiểm tra: Bắt đầu từ khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của năm tài chính hiện tại thông qua, kết thúc khi Đại hội đồng cổ đông thường niên của năm tài chính tiếp theo diễn ra. | g. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết; | - Điểm a → chuyển sang điểm g khoản 2 Điều 23; và - Bỏ nội dung nội dung "Thời hạn Công ty kiểm toán..." do thời hạn này đã được nêu trong Nghị quyết của ĐHCĐ nên không cần thêm phần chi tiết này. Ngoài ra, nếu Điều lệ quy định chi tiết khi xảy ra sự kiện cần điều chỉnh thời hạn kiểm toán ngắn hơn, Đại hội đồng cổ đông sẽ phải điều chỉnh Điều lệ. |
| 3.2.2 | b. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên; | Điểm b → chuyển sang điểm h khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | Gộp khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2023 thành khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2024 |
| 3.2.3 | c. Tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; | Điểm c → chuyển sang điểm i khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.2.4 | d. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; | Điểm d → chuyển sang điểm j khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.2.5 | e. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; | Điểm e → chuyển sang điểm k khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|--------|---|--|--|
| 3.2.6 | f. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; | Điểm f → chuyển sang điểm l khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.2.7 | g. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; | Điểm g → chuyển sang điểm m khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.2.8 | h. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; | Điểm h → chuyển sang điểm n khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.2.9 | i. Quyết định giao dịch đầu tư/ bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; | o. Quyết định đầu tư/mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm i → chuyển sang điểm o khoản 2 Điều 23; và - Bỏ cụm từ "chi nhánh" vì chi nhánh thuộc công ty, không phải pháp nhân độc lập, tài sản chi nhánh là tài sản công ty nên không cần thêm "chi nhánh" trong cách trình bày. |
| 3.2.10 | j. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành của mỗi loại; | Điểm j → chuyển sang điểm p khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | Gộp khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2023 thành khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2024 |
| 3.2.11 | k. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; | q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm k → chuyển sang điểm q khoản 2 Điều 23; và - Bỏ cụm từ "chi nhánh" vì chi nhánh thuộc công ty, không phải pháp nhân độc lập, tài sản chi nhánh là tài sản công ty nên không cần thêm "chi nhánh" trong cách trình bày. |
| 3.2.12 | l. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; | Điểm l → chuyển sang điểm r khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | Gộp khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2023 thành khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2024 |

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|--------|--|--|---|
| 3.2.13 | m. Phê duyệt Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát; | Điểm m → chuyển sang điểm s khoản 2 Điều 23, nội dung không đổi | |
| 3.2.14 | n. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty. | u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm n → chuyển sang điểm u khoản 2 Điều 23; và - Đại hội đồng cổ đông chỉ bị ràng buộc trách nhiệm tại Điều lệ, mọi hoạt động, biểu quyết đều theo Điều lệ, việc buộc tuân thủ quy chế khác của Công ty là không phù hợp. |
| 3.2.15 | N/A | t. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; | Bổ sung điểm t theo Điều lệ mẫu công ty đại chúng tại Thông tư 116/2020/TT-BTC. |
| 3.3 | N/A | <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>d. Quyết định đầu tư/mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> | <p>Thay thế toàn bộ khoản 1 Điều 23 Điều lệ 2023 thành nội dung mới về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông với lý do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điều 23 là "quyền và nghĩa vụ" nhưng cách trình bày lại chưa thể hiện nội dung này mà chỉ nêu "Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua". • Phù hợp với Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng (theo Thông tư 116/2020/TT-BTC) |

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|-----|--|---|---|
| | | <p>j. <u>Quyết định</u> ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>k. <u>Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ</u>; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>l. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận</u>; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</u></p> | |
| 4 | <p>Điều 28: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông N/A</p> | <p>12. <u>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán."</u></p> | <p>Bổ sung khoản 12 cho Điều 28 vì pháp luật cho phép tổ chức Đại hội đồng cổ đông "trực tuyến", và thể thức tiến hành họp này được xem như là "tại cuộc họp". Điều lệ hiện tại đang bị gây hiệu nhằm giữa khái niệm "bỏ phiếu trực tuyến" và "lấy ý kiến bằng văn bản", cụ thể xem 2 nội dung này là cùng một trường hợp (khoản 10 Điều 29).</p> <p>Do vậy, đề xuất bổ sung nội dung này theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC để tạo cơ sở cho PHS tổ chức đại hội trực tuyến (nếu cần) trong tương lai.</p> <p>Cơ sở pháp lý về việc "bỏ phiếu trực tuyến" có giá trị như "bỏ phiếu offline tại cuộc họp": Điểm c khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020.</p> |
| 5 | <p>Điều 29: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> | | |

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|-----|--|---|--|
| 5.1 | Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông | Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | Sửa đổi "quyết định" thành "nghị quyết" để thống nhất tên gọi xuyên suốt Điều lệ. |
| 5.2 | <p>1. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ;</p> <p>b. Định hướng phát triển;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> | <p>1. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Định hướng phát triển;</p> <p>b. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> | Giảm các vấn đề bắt buộc phải biểu quyết tại cuộc họp. |
| 5.3 | <p>2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc/và Tổng Giám đốc.</p> | <p>2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành."</p> | Việc liệt kê như hiện tại đang thiếu và sẽ gây ra hạn chế khi xác định tỷ lệ thông qua các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông. Do vậy, đề xuất chỉ cần liệt kê các vấn đề cần tỷ lệ chấp thuận cao hơn, còn các vấn đề còn lại sẽ tự động rơi vào trường hợp thông qua khi tỷ lệ biểu quyết trên 50%. |
| 5.4 | <p>10. Mọi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức sau:</p> <p>a. Biểu quyết tại cuộc họp.</p> | <p>10. Mọi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức sau:</p> | Bổ nội dung "Biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến..." vì đây chính là "biểu quyết tại cuộc họp". |

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|-----|---|---|---|
| | <p>b. Lấy ý kiến bằng văn bản (trừ nội dung quy định tại Điều 29.1).</p> <p>c. Biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (trừ nội dung quy định tại Điều 29.1).</p> | <p>a. Biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>b. Lấy ý kiến bằng văn bản (trừ nội dung quy định tại Điều 29.1).</p> | |
| 6 | <p>Điều 30: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng có đồng đề thông qua nghị quyết Bỏ 2 nội dung này</p> <p>Mục C. Hội nghị trực tuyến Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế tổ chức Hội nghị trực tuyến do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.</p> <p>Mục D. Bỏ phiếu điện tử Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế bỏ phiếu điện tử do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.</p> | | <p>Đã bổ sung quy định cho trường hợp này tại đề xuất số 4.</p> |
| 7 | <p>Điều 33: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p> | <p>viên Hội đồng Quản trị</p> | |
| 7.1 | <p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị độc lập là 01 người và không quá hai (02) nhiệm kỳ.</p> | <p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị độc lập là 01 người và không quá hai (02) nhiệm kỳ <u>liên tục</u>.</p> | <p>Sửa đổi để phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>Cơ sở: khoản 2 Điều 154 Luật doanh nghiệp 2020</p> |
| 7.2 | <p>11. Trường hợp Hội đồng Quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng Quản trị mới, Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.</p> | <p>11. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> | <p>Sửa đổi từ "nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị" thành "nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị" để phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>Kể từ Luật doanh nghiệp 2020, không còn khái niệm "nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị" mà thay bằng khái niệm "nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị".</p> |
| 8 | <p>Điều 34: Quyên hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</p> | <p>Điều 9 khoản 4:</p> | |
| 8.1 | <p>Quyết định mua lại từ 10% tổng số cổ phần đã bán; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức</p> | <p>Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách</p> | <p>Sửa đổi vì quyền quyết định mua lại tổng số cổ phần đã bán từ 10% thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> |

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|-----|--|--|---|
| 8.2 | <p>phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành</p> <p>Điểm f khoản 4: Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm</p> | <p>thực phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành</p> <p>Điểm f khoản 4: Các khoản đầu tư vượt quá 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p> | <p>Cơ sở: điểm g khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020 và điểm j khoản 2 Điều 23 của Điều lệ 2023.</p> <p>Sửa đổi "giá trị trong kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngân sách kinh doanh hàng năm" thành "tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty".</p> <p>Sử dụng cùng một công thức như tính toán quyền hạn của cuộc họp cổ đông với "các giao dịch đầu tư", mua và bán tài sản của công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> |
| 9 | <p>Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng</p> <p>2. Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị: trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị. Việc bầu mới thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Khi số lượng thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.</p> | <p>Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị: trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, việc bầu mới thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Khi số lượng thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.</p> | <p>Bổ nội dung "Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị" do Hội đồng Quản trị không có quyền này dù là "bổ nhiệm tạm thời" do đây là quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.</p> |
| 10 | <p>Điều 52: Kiểm soát viên</p> | | |

| STT | NỘI DUNG | ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | DIỄN GIẢI |
|-----|---|--|---|
| | <p>4. Trường hợp số Kiểm soát viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Ban Kiểm soát có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Kiểm soát viên. Việc bổ nhiệm này phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.</p> | <p>4. Trường hợp số Kiểm soát viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định thì triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.</p> | <p>Bổ nội dung "Ban Kiểm soát có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Kiểm soát viên" vì Ban Kiểm soát không có quyền này dù là "bổ nhiệm tạm thời" do đây là quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.</p> |

No.: 03/2024/TTr-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua sự Từ nhiệm của thành viên Ban Kiểm Soát
và Bổ nhiệm thành viên mới của Ban Kiểm Soát

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Căn cứ đơn từ chức của Bà Kuo, Ping-Min – Thành viên Ban kiểm soát và nhằm đáp ứng số lượng tối thiểu của Thành viên Ban kiểm soát để phù hợp với các cơ sở pháp lý nêu trên.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc:

1. Miễn nhiệm của thành viên Ban kiểm soát – Bà Kuo, Ping-Min
2. Đề cử ứng viên cho thành viên mới Ban kiểm soát – Bà Wang, Gwan-Fang

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Dính kèm:

1. Đơn từ nhiệm của Bà Kuo, Ping-Min
2. Giấy đề cử thành viên Ban kiểm soát của An Thịnh Development Ltd.
3. CV của Bà Wang, Gwan-Fang

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
PHÚ HƯNG
LIEW SEP SIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ CHỨC

Kính gửi:

- Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Hưng
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Hưng
- Ban Kiểm Soát Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Hưng

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Hưng;

Tôi tên là: **Kuo, Ping-Min**

Số Hộ chiếu:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Nay tôi làm đơn này kính gửi đến Đại Hội đồng Cổ đông của PHS chấp nhận cho tôi từ chức Thành viên Ban Kiểm soát tại PHS.

Lý do: Cá nhân

Thời gian: Kể từ ngày 01/03/2024

Kính mong Đại Hội đồng Cổ đông của PHS chấp nhận Đơn xin từ chức của tôi.

Trân trọng cảm ơn,

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Kính đơn



Kuo, Ping-Min

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2024

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH.**

1. Họ và tên: **WANG, GWAN-FANG**
2. Giới tính: **Nữ**
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Số hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
6. Quốc tịch: 7. Dân tộc: **Không**
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại: **(+84 28) 5413 5479**
10. Địa chỉ email: **cbtt_phs@phs.vn**
11. Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Thành viên Ban kiểm soát**
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - **Giám đốc Công Ty TNHH Truyền Thông Thế Sáng**
 - **Giám đốc Công Ty TNHH Phát Triển Hưng Truyền**
14. Số CP nắm giữ: **0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:**
 - 14.1 Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đồng chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:
Không có
 - 14.2 Cá nhân sở hữu: **Không có**
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có): **Không có**
16. Danh sách người có liên quan của người khai:

| STT | Mã CK | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CV/ND/Pas sport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Dịa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Chi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|-----------------|--|------------------------------|--|---|-----------------|----------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--|--|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 1 | PHS | WANG, GWAN-FANG | | Thành viên Ban Kiểm soát | - | Hộ chiếu | | | | - | - | - | - | - | Bổ nhiệm | - |
| 1.01 | - | WANG, PAL-FU | - | - | Ba | Hộ chiếu | | | | - | - | - | - | - | - | - |
| 1.02 | - | YEH, MEI-YU | - | - | Mẹ | Hộ chiếu | | | | - | - | - | - | - | - | - |

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



WANG, GWAN-FANG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10./2024/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Điều chỉnh sơ đồ tổ chức của công ty cổ phần chứng khoán Phú Hưng

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên về việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức công ty cổ phần chứng khoán Phú Hưng.

Nội dung điều chỉnh như sau:

- Tổng Giám đốc phụ trách Khối Chứng quyền có đảm bảo.
- Xóa bỏ vị trí Phó Tổng Giám đốc thứ hai và Khối sản phẩm đầu tư thu nhập cố định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Đính kèm:

Sơ đồ tổ chức của công ty cổ phần chứng khoán Phú Hưng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ALBERT KWANG-CHIN TING